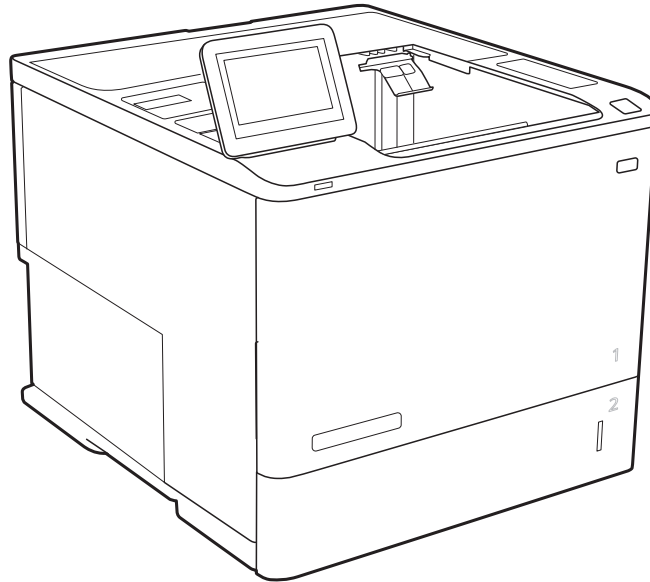




# HP LaserJet Managed E60155, E60165, E60175

## Hướng dẫn sử dụng



[www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet)  
[www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155)

[www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165)  
[www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175)





HP LaserJet Managed E60155, E60165,  
E60175

Hướng dẫn sử dụng

## **Bản quyền và Giấy phép**

© Copyright 2019 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 2, 08/2019

## **Công nhận Nhãn hiệu**

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

AirPrint là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Google™ là nhãn hiệu của Google Inc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

# Mục lục

<b>1 Tổng quan máy in</b> .....	<b>1</b>
Biểu tượng cảnh báo .....	2
Nguy cơ điện giật tiềm ẩn .....	3
Giao diện máy in .....	4
Mặt trước của máy in .....	4
Mặt sau của máy in .....	4
Các cổng giao tiếp .....	5
Giao diện bảng điều khiển .....	6
Thông số kỹ thuật của máy in .....	8
Thông số kỹ thuật .....	9
Các hệ điều hành được hỗ trợ .....	10
Kích thước máy in .....	12
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn .....	13
Phạm vi môi trường sử dụng .....	13
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm .....	14
<b>2 Khay giấy</b> .....	<b>15</b>
Giới thiệu .....	16
Nạp giấy vào Khay 1 (khay đa năng) .....	17
Hướng giấy khay 1 .....	18
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác .....	21
Nạp giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ .....	22
Giới thiệu .....	22
Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ .....	24
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác .....	26
Nạp giấy vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ .....	27
Nạp và in phong bì .....	29
Giới thiệu .....	29
In phong bì .....	29
Hướng Phong bì .....	30
Nạp và in nhãn .....	31

Giới thiệu .....	31
Tiếp nhận theo cách thủ công .....	31
Hướng nhận .....	31
Cấu hình hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim .....	32
Cấu hình vị trí dập ghim mặc định .....	32
Cấu hình chế độ hoạt động .....	33
<b>3 Mục in, phụ kiện và bộ phận .....</b>	<b>35</b>
Đặt hàng mục in, phụ kiện và bộ phận .....	36
Đặt hàng .....	36
Thay thế hộp mục in .....	37
Thông tin về hộp mục in .....	37
Tháo và thay thế hộp mục .....	37
Thay thế hộp ghim dập .....	41
<b>4 In .....</b>	<b>43</b>
Thao tác in (Windows) .....	44
Cách in (Windows) .....	44
In tự động trên hai mặt (Windows) .....	45
In thủ công trên cả hai mặt (Windows) .....	45
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows) .....	46
Chọn loại giấy (Windows) .....	46
Tác vụ in bổ sung .....	47
Tác vụ in (macOS) .....	48
Cách in (macOS) .....	48
Tự động in trên cả hai mặt (macOS) .....	48
In thủ công trên cả hai mặt (macOS) .....	48
In nhiều trang trên một tờ giấy (macOS) .....	49
Chọn loại giấy (macOS) .....	49
Tác vụ in bổ sung .....	49
Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng .....	51
Giới thiệu .....	51
Tạo lệnh in đã lưu (Windows) .....	51
Tạo lệnh in đã lưu (macOS) .....	52
In lệnh in đã lưu .....	53
Xóa lệnh in đã lưu .....	53
Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in .....	54
Giải pháp in di động .....	55
Giới thiệu .....	55

Wi-Fi Direct (chỉ dành cho kiểu máy không dây, có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless) .....	55
HP ePrint qua email .....	56
AirPrint .....	57
In nhúng của Android .....	57
In từ ổ USB flash .....	58
Giới thiệu .....	58
Bật cổng USB để in .....	58
In tài liệu USB .....	59
In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây) .....	60
Bật cổng USB tốc độ cao để in .....	60
<b>5 Quản lý máy in .....</b>	<b>61</b>
Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS) .....	62
Giới thiệu .....	62
Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS) .....	63
Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP .....	63
Định cấu hình cài đặt mạng IP .....	69
Tự chối chia sẻ máy in .....	69
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng .....	69
Đổi tên máy in trên mạng .....	69
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công .....	70
Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công .....	70
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết .....	71
Các tính năng bảo mật của máy in .....	72
Giới thiệu .....	72
Tuyên bố bảo mật .....	72
Bảo mật IP .....	72
Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP .....	72
Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP .....	73
Khóa bộ định dạng .....	73
Các cài đặt bảo tồn năng lượng .....	74
Giới thiệu .....	74
In bằng EconoMode .....	74
Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn .....	74
HP Web Jetadmin .....	76
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở .....	77

<b>6 Giải quyết sự cố</b> .....	<b>79</b>
Hỗ trợ khách hàng .....	80
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển .....	81
Xác lập lại cài đặt gốc .....	82
Giới thiệu .....	82
Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in .....	82
Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng) .....	82
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in .....	83
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai .....	84
Giới thiệu .....	84
Máy in không nạp giấy .....	84
Máy in nạp nhiều giấy .....	86
Xử lý kẹt giấy .....	90
Giới thiệu .....	90
Vị trí giấy kẹt .....	91
Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt .....	91
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn? .....	91
Gỡ giấy kẹt trong khay 1 (13.A1) .....	92
Gỡ giấy kẹt trong khay 2, 3, 4, 5 (13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5) .....	95
Gỡ giấy kẹt trong khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ (13A, 13F) .....	98
Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy (13.B) .....	100
Gỡ giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra (13.E1) .....	103
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt (13.C, 13.D, 13.B) .....	104
Gỡ giấy bị kẹt trong khay nạp phong bì (13.A) .....	105
Gỡ giấy bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim (13.E, 13.7) .....	107
Gỡ bỏ ghim dập bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim (13.8) .....	108
Xử lý vấn đề về chất lượng in .....	111
Giới thiệu .....	111
Xử lý sự cố về chất lượng in .....	111
<b>Bảng chú dẫn</b> .....	<b>117</b>



---

# 1 Tổng quan máy in

- [Biểu tượng cảnh báo](#)
- [Nguy cơ điện giật tiềm ẩn](#)
- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

## Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).

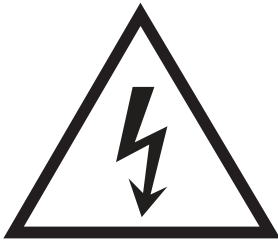
Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

## Biểu tượng cảnh báo

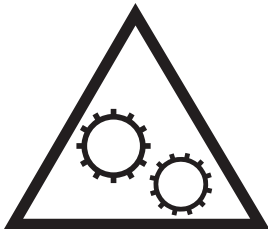
Xác định biểu tượng cảnh báo: Biểu tượng cảnh báo sau có thể xuất hiện trên các sản phẩm HP. Sử dụng cảnh báo phù hợp nếu có.



• Chú ý: Điện giật



• Chú ý: Bề mặt nóng



• Chú ý: Giữ các bộ phận cơ thể tránh xa các bộ phận chuyển động



• Chú ý: Cảnh sắc nhọn ở khoảng cách gần

## Nguy cơ điện giật tiềm ẩn

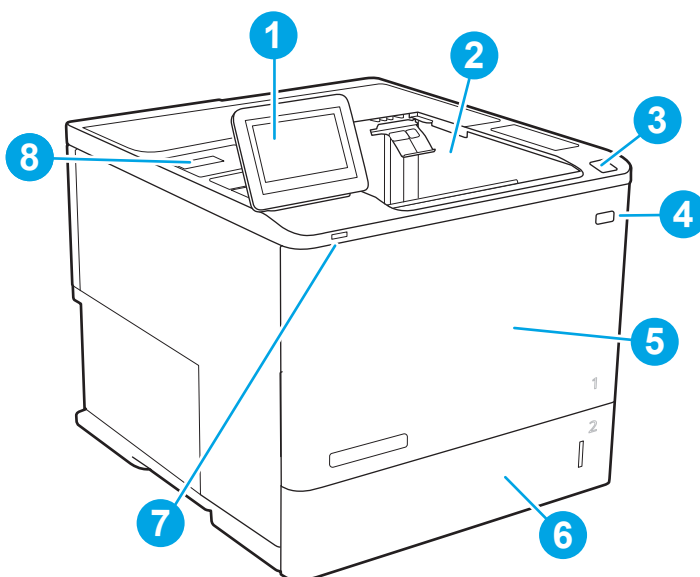
Luôn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn cơ bản khi sử dụng sản phẩm này để giảm rủi ro bị thương do hỏa hoạn hoặc điện giật.

- Đọc để hiểu rõ tất cả nội dung trong hướng dẫn sử dụng này.
- Tuân thủ tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.
- Chỉ sử dụng ổ cắm điện được nối đất khi kết nối sản phẩm với nguồn điện. Nếu bạn không biết liệu ổ cắm có được nối đất hay không, hãy kiểm tra với thợ điện đủ trình độ chuyên môn.
- Không chạm vào các điểm tiếp xúc trên bất kỳ ổ cắm nào trên sản phẩm. Thay dây điện bị hỏng ngay lập tức.
- Rút phích cắm sản phẩm này ra khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh.
- Không lắp đặt hoặc sử dụng sản phẩm này ở gần nguồn nước hoặc khi bạn bị ướt.
- Lắp đặt sản phẩm một cách an toàn trên bề mặt chắc chắn.
- Lắp đặt sản phẩm ở vị trí được bảo vệ, nơi không ai có thể đạp lên hoặc vướng vào dây nguồn.

## Giao diện máy in

- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Các cổng giao tiếp](#)
- [Giao diện bảng điều khiển](#)


### Mặt trước của máy in

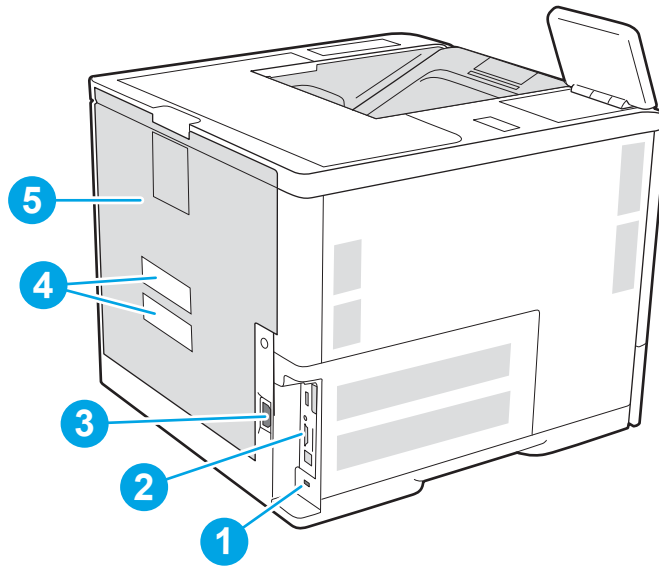


**Bảng 1-1** Chú giải mặt trước của máy in

Chú thích hình ảnh	Bộ phận máy in
1	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu
2	Ngăn giấy đầu ra
3	Nút mở cửa hộp mực (tiếp cận hộp mực in)
4	Nút bật/tắt
5	Cửa hộp mực và khay 1
6	Khay 2
7	Cổng in easy-access USB
8	Ổ giao diện phần cứng (để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba)

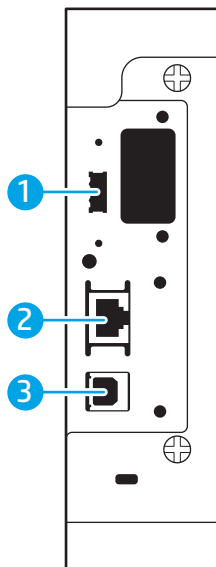
### Mặt sau của máy in

 **GHI CHÚ:** Máy in được minh họa không có phụ kiện hoàn thiện đi kèm.



- |   |   |
|---|---|
| 1 | Khe khóa an toàn dạng cáp               |
| 2 | Tấm định dạng (chứa các cổng giao tiếp) |
| 3 | Kết nối nguồn                           |
| 4 | Nhãn số sê-ri và số sản phẩm            |
| 5 | Cửa sau (cửa xử lý kẹt giấy)            |

## Các cổng giao tiếp



- |   |   |
|---|---|
| 1 | Cổng USB chủ để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) |
|---|---|


2 Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN)


3 Cổng in USB 2.0 tốc độ cao


**GHI CHÚ:** Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.

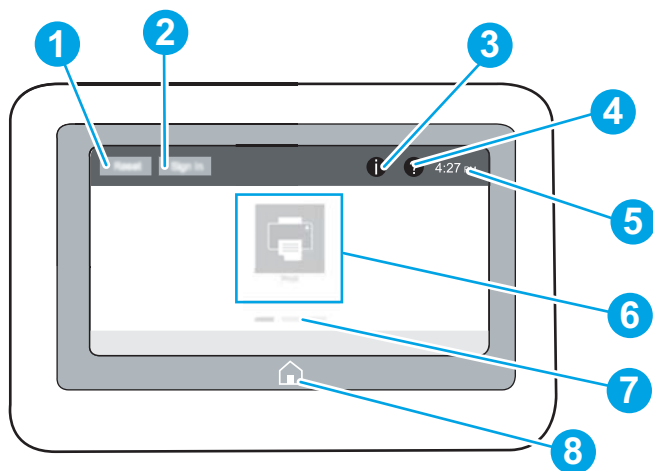
## Giao diện bảng điều khiển

Màn hình chính cung cấp truy cập vào các tính năng máy in và cho biết trạng thái hiện thời của máy in.

Trở lại Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chọn nút Home (Màn hình chính) .

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng của bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175), chọn **Manuals** (Hướng dẫn) và chọn **General reference** (Tham khảo chung).




 **GHI CHÚ:** Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình máy in.



**Bảng 1-2** Chú giải giao diện bảng điều khiển máy in

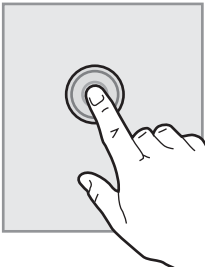
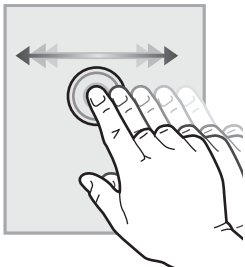
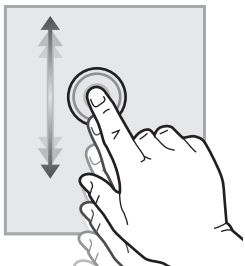
Chú thích hình ảnh	Thành phần	Mô tả
1	Nút <b>Reset</b> (Xác lập lại)	Chạm vào nút <b>Reset</b> (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, xác lập lại trường đếm bản sao, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).
2	Nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) hoặc <b>Sign Out</b> (Đăng xuất)	Chạm vào nút <b>Sign In</b> (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật. Chạm vào nút <b>Sign Out</b> (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định. <b>GHI CHÚ:</b> Nút này sẽ chỉ hiển thị nếu quản trị viên đã cấu hình máy in yêu cầu quyền để truy cập vào các tính năng.

**Bảng 1-2** Chú giải giao diện bảng điều khiển máy in (còn tiếp)


Chú thích hình ảnh	Thành phần	Mô tả
3	Nút Information (Thông tin) 	<p>Chạm vào nút thông tin để truy cập vào một màn hình cung cấp truy cập vào một số loại thông tin máy in. Chạm vào các nút ở cuối màn hình để biết thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Display Language</b> (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại.</li><li>• <b>Sleep Mode</b> (Chế độ nghỉ): Đặt máy in vào chế độ nghỉ.</li><li>• <b>Wi-Fi Direct</b>: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác bằng Wi-Fi (chỉ khi Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless tùy chọn được lắp đặt).</li><li>• <b>Wireless</b> (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (chỉ khi phụ kiện không dây HP Jetdirect 2900nw Print Server tùy chọn được lắp đặt).</li><li>• <b>Ethernet</b>: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet.</li><li>• <b>HP Web Services</b> (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).</li></ul>
4	Nút Help (Trợ giúp) 	Chạm vào nút Trợ giúp để mở hệ thống trợ giúp nhúng.
5	Current time (Thời gian hiện tại)	Hiển thị thời gian hiện tại.
6	Khu vực Applications (Ứng dụng)	<p>Chạm vào biểu tượng bất kỳ để mở ứng dụng. Vuốt màn hình sang hai bên để truy cập vào nhiều ứng dụng hơn.</p> <p><b>GHI CHÚ:</b> Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.</p>
7	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số trang trên Màn hình chính hoặc trong một ứng dụng. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Vuốt màn hình sang hai bên để cuộn giữa các trang.
8	Nút Home (Màn hình chính) 	Chạm vào nút Home (Màn hình chính) để trở về Màn hình chính.

## Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Dùng các thao tác sau để sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng của máy in.

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
<p><b>Chạm vào</b></p> 	<p>Chạm vào một mục trên màn hình để chọn mục đó hoặc mở menu đó. Ngoài ra, khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.</p>	<p>Chạm vào biểu tượng <b>Settings</b> (Cài đặt) để mở ứng dụng <b>Settings</b> (Cài đặt).</p>
<p><b>Vuốt</b></p> 	<p>Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều ngang để cuộn màn hình sang hai bên.</p>	<p>Vuốt cho đến khi ứng dụng <b>Settings</b> (Cài đặt) hiển thị.</p>
<p><b>Cuộn</b></p> 	<p>Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều dọc để cuộn lên và xuống màn hình. Khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.</p>	<p>Cuộn qua ứng dụng <b>Settings</b> (Cài đặt).</p>

## Thông số kỹ thuật của máy in

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Kích thước máy in](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)



## Thông số kỹ thuật

**Bảng 1-3** Thông số kỹ thuật về xử lý giấy

Tính năng xử lý giấy	Kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn (Sản phẩm # 3GY09A, 3GY10A, 3GY12A)
Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	Đi kèm
Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	Đi kèm
Khay nạp giấy 1 x 550 tờ	Tùy chọn
<b>GHI CHÚ:</b> Các kiểu máy E65150dn và E65160dn chấp nhận tối đa sáu khay nạp 1 x 550 tờ tùy chọn.	
Khay nạp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ (HCL)	Tùy chọn
In hai mặt tự động	Đi kèm
Bảng từ khay nạp phong bì để in tối đa 75 phong bì	Tùy chọn
Nắp mở rộng khay 2 để in giấy cỡ Legal	Tùy chọn
Hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ đập ghim	Tùy chọn
<b>GHI CHÚ:</b> Khi lắp thêm phụ kiện này vào ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn, tổng sức chứa là sáu ngăn và 1.300 tờ.	

**Bảng 1-4** Thông số kỹ thuật về khả năng kết nối

Tính năng kết nối	Kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn (Sản phẩm # 3GY09A, 3GY10A, 3GY12A)
Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	Đi kèm
USB 2.0 Tốc độ cao	Đi kèm
Cổng easy-access USB để in không cần máy tính và nâng cấp chương trình cơ sở	Đi kèm
Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba	Đi kèm
Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn
Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Tùy chọn
Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless để in từ các thiết bị di động	Tùy chọn
<b>GHI CHÚ:</b> Được kết nối qua Ổ tích hợp phần cứng hoặc cổng USB chủ phía sau. Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless cần phụ kiện các cổng USB bên trong của HP.	

**Bảng 1-5** Thông số kỹ thuật về tính năng in

Tính năng in	Kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn (Sản phẩm # 3GY09A, 3GY10A, 3GY12A)
In 52 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 55 ppm trên giấy Letter	E60155dn

**Bảng 1-5 Thông số kỹ thuật về tính năng in (còn tiếp)**

Tính năng in	Kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn (Sản phẩm # 3GY09A, 3GY10A, 3GY12A)
In 61 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 65 ppm trên giấy Letter	E60165dn
In 71 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 75 ppm trên giấy Letter	E60175dn
In Easy-access USB (không yêu cầu máy tính)	Đi kèm

**Bảng 1-6 Thông số kỹ thuật khác**

Tính năng	Kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn (Sản phẩm # 3GY09A, 3GY10A, 3GY12A)
<b>Bộ nhớ:</b> Bộ nhớ 512 MB, có thể mở rộng đến 1,5 GB bằng cách thêm DIMM 1 GB	Đi kèm
<b>Bộ nhớ:</b> Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Tùy chọn
<b>Bảo mật:</b> Mô-đun nền tảng HP Trusted để mã hóa mọi dữ liệu đi qua máy in	Đi kèm
<b>Bảng điều khiển:</b> Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu, xem liên tục	Đi kèm

## Các hệ điều hành được hỗ trợ

**Linux:** Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho Linux, hãy truy cập [www.hp.com/go/linuxprinting](http://www.hp.com/go/linuxprinting).

**UNIX:** Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho UNIX®, hãy truy cập [www.hp.com/go/unixmodelscripts](http://www.hp.com/go/unixmodelscripts).

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in Windows HP PCL 6 dùng riêng cho máy in, trình điều khiển in HP cho macOS và cho trình cài đặt phần mềm.

**Windows:** Tải xuống HP Easy Start từ [123.hp.com/LaserJet](http://123.hp.com/LaserJet) để cài đặt trình điều khiển in của HP. Hoặc truy cập trang web hỗ trợ máy in dành cho máy in này: [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175) để tải xuống trình điều khiển in hoặc trình cài đặt phần mềm để cài đặt trình điều khiển in của HP.

**macOS:** Máy in này hỗ trợ máy tính Mac. Tải xuống HP Easy Start từ [123.hp.com/LaserJet](http://123.hp.com/LaserJet) hoặc từ trang Printer Support (Hỗ trợ máy in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển in HP.

1. Truy cập [123.hp.com/LaserJet](http://123.hp.com/LaserJet).
2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.


**Bảng 1-7 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ**


Hệ điều hành	Trình điều khiển in (dành cho Windows hoặc trình cài đặt trên web cho macOS)
Windows 7, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.

**Bảng 1-7** Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ (còn tiếp)

Hệ điều hành	Trình điều khiển in (dành cho Windows hoặc trình cài đặt trên web cho macOS)
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt “HP PCL 6” được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt “HP PCL-6” V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt “HP PCL-6” V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2012, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2012 R2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
Windows Server 2016, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.
macOS 10.12 Sierra, macOS 10.13 High Sierra	Tải xuống HP Easy Start từ <a href="http://123.hp.com/LaserJet">123.hp.com/LaserJet</a> , sau đó sử dụng phần mềm này để cài đặt trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Các hệ điều hành được hỗ trợ có thể thay đổi.

 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175) để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD cho máy in này, hãy truy cập [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd). Dưới phần **Additional information** (Thông tin bổ sung), hãy nhấp vào liên kết.

**Bảng 1-8** Các yêu cầu hệ thống tối thiểu

Windows	macOS
<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối Internet</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối Internet</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• 2 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 1,5 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• RAM 1 GB (32-bit) hoặc RAM 2 GB (64-bit)</li></ul>	



**GHI CHÚ:** Trình cài đặt phần mềm sẽ cài đặt dịch vụ HP Smart Device Agent Base. Kích cỡ tệp khoảng 100 kb. Chức năng duy nhất là để kiểm tra các máy in đã kết nối qua USB hàng giờ. Không có dữ liệu nào được thu thập. Nếu tìm thấy máy in USB, thì dịch vụ này sẽ cố tìm phiên bản Trình kết nối quản lý JetAdvantage (JAMc) trên mạng. Nếu tìm thấy JAMc, HP Smart Device Agent Base sẽ được nâng cấp an toàn lên Smart Device Agent đầy đủ từ JAMc, sau đó, phần này sẽ cho phép tính các trang đã in vào tài khoản Dịch vụ in được quản lý (MPS). Các gói chỉ có trình điều khiển qua web, được tải xuống từ hp.com cho máy in và được cài đặt qua Trình hướng dẫn Add Printer (Thêm Máy in) sẽ không cài đặt dịch vụ này.

Để gỡ cài đặt dịch vụ, hãy mở **Control Panel** (Panel điều khiển), chọn **Programs** (Chương trình) hoặc **Programs and Features** (Chương trình và tính năng), rồi chọn **Add/Remove Programs** (Thêm/Xóa chương trình) hoặc **Uninstall a Program** (Gỡ cài đặt chương trình) để xóa dịch vụ. Tên tệp là **HPSmartDeviceAgentBase**.

## Kích thước máy in

**Bảng 1-9** Kích thước của các kiểu máy E60155dn, E60165dn, E60175dn

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Chiều cao	357 mm	433 mm
Chiều sâu	466 mm	1.040 mm
Chiều rộng	431 mm	431 mm
Trọng lượng (có hộp mực in)	20,6 kg	

**Bảng 1-10** Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ

	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	148 mm	148 mm
Chiều sâu	466 mm	790 mm
Chiều rộng	426 mm	426 mm
Trọng lượng	5,7 kg	

**Bảng 1-11** Kích thước của khay HCI 2100 tờ có chân đế

	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	341 mm	341 mm
Chiều sâu	466 mm	864 mm
Chiều rộng	426 mm	426 mm
Trọng lượng	9,98 kg	

**Bảng 1-12** Kích thước của khay nạp phong bì

	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	148 mm	148 mm
Chiều sâu	466 mm	790 mm
Chiều rộng	426 mm	426 mm
Trọng lượng	5,8 kg	

**Bảng 1-13** Kích thước cho hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ đập ghim

	Phụ kiện đóng hoàn toàn	Phụ kiện mở hoàn toàn
Chiều cao	429 mm	429 mm
Chiều sâu	504 mm	614 mm
Chiều rộng	475 mm	511 mm
Trọng lượng	11,3 kg	

## Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175) để biết thông tin mới nhất.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

## Phạm vi môi trường sử dụng

**Bảng 1-14** Phạm vi môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	15° đến 25°C	10° đến 32,5°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

# Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn Cài đặt Phần cứng đi kèm với máy in. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175) để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

---

## 2 Khay giấy

- [Giới thiệu](#)
- [Nạp giấy vào Khay 1 \(khay đa năng\)](#)
- [Nạp giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Nạp giấy vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ](#)
- [Nạp và in phong bì](#)
- [Nạp và in nhãn](#)
- [Cấu hình hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim](#)

### Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).


Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

## Giới thiệu

---

 **THẬN TRỌNG:** Không in nhiều khay giấy một lần.

Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống.

Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng.

Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.

---

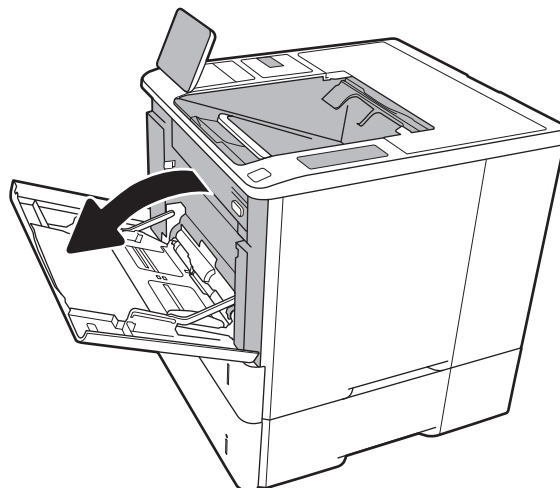


## Nạp giấy vào khay 1 (khay đa năng)

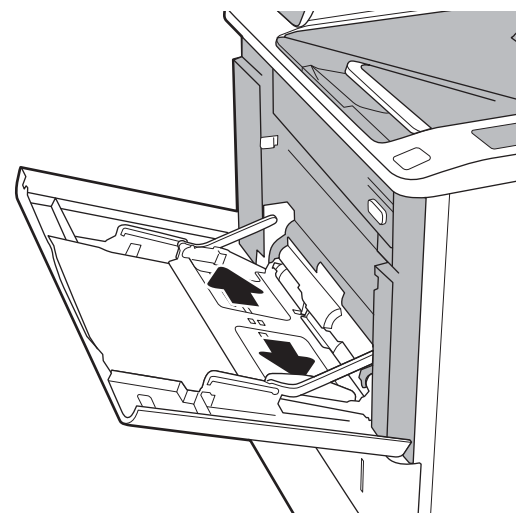
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ khay 1 trong khi in.

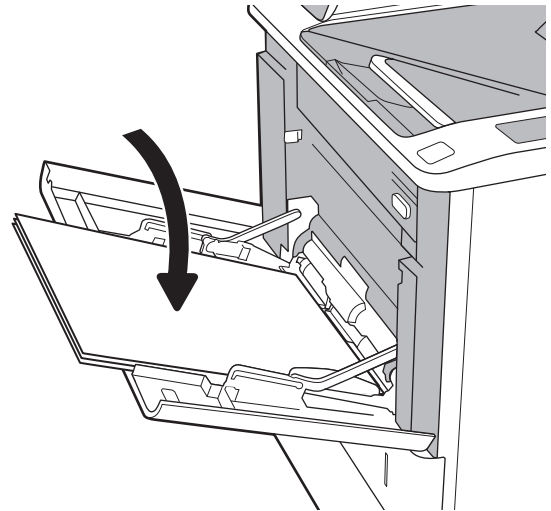
1. Mở khay 1.



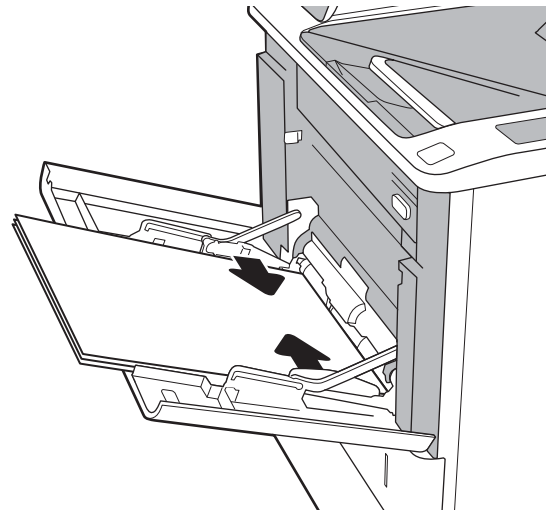
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh màu xanh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



3. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 thuộc trang 18](#).



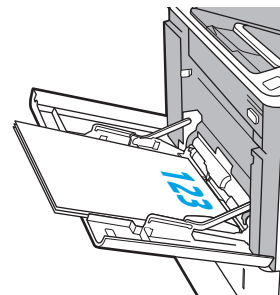
4. Điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.



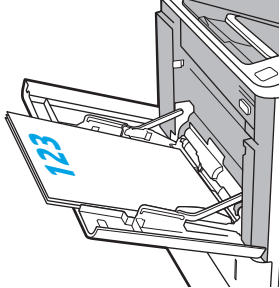
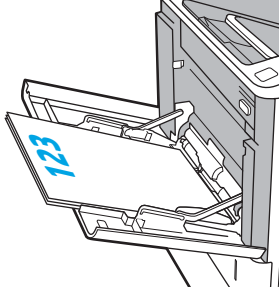
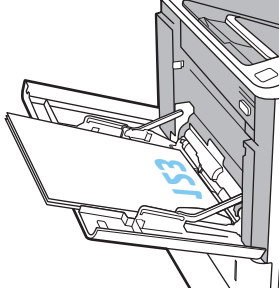
## Hướng giấy khay 1

**Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1**

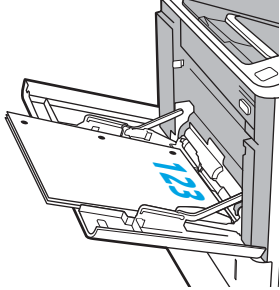
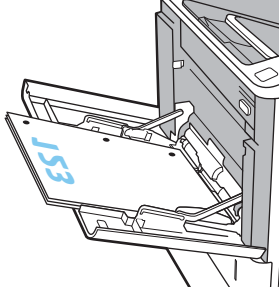
Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 1 mặt, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in



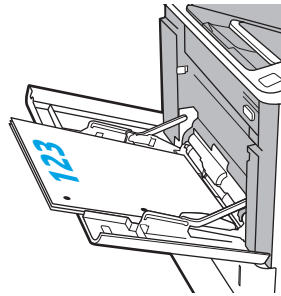
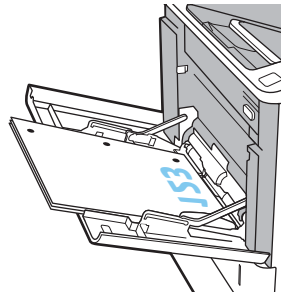
**Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)**

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	<p>Mặt hướng xuống</p> <p>Đưa mép dưới cùng vào máy in</p> 
	In 1 mặt có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	<p>Mặt hướng lên</p> <p>Đưa mép dưới cùng vào máy in</p> 
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	<p>Mặt hướng xuống</p> <p>Đưa mép trên cùng vào máy in</p> 

**Bảng 2-1** Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Dập lỗ trước	In 1 mặt, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về bên trái máy in 
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng về bên trái máy in 

**Bảng 2-1 Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)**

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
	In 1 mặt, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về bên phải máy in 
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng về bên phải máy in 

## Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.


## Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - b. **Manage Trays** (Quản lý khay)
  - c. **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) và chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

# Nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ

## Giới thiệu

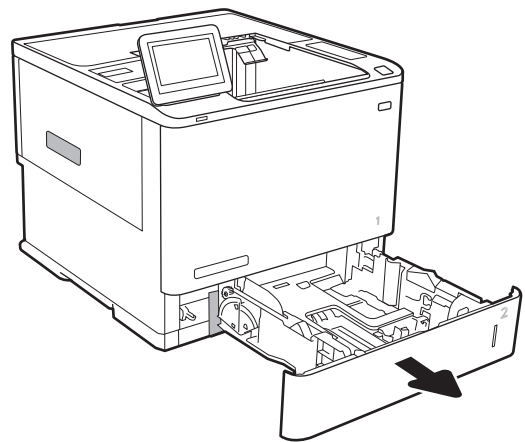
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn. Các khay này chứa được tối đa 550 tờ giấy 75 g/m<sup>2</sup> (20 lb).

 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào các khay 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

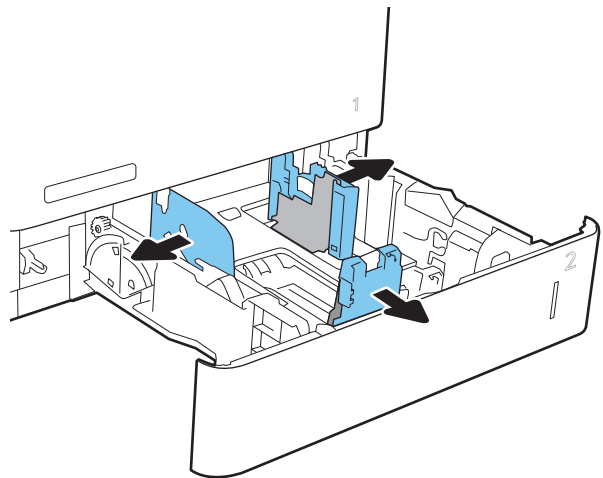
 **GHI CHÚ:** Các thanh dẫn giấy có thể bị khóa trước khi sử dụng và có thể không điều chỉnh được.

### 1. Mở khay ra.

**GHI CHÚ:** Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



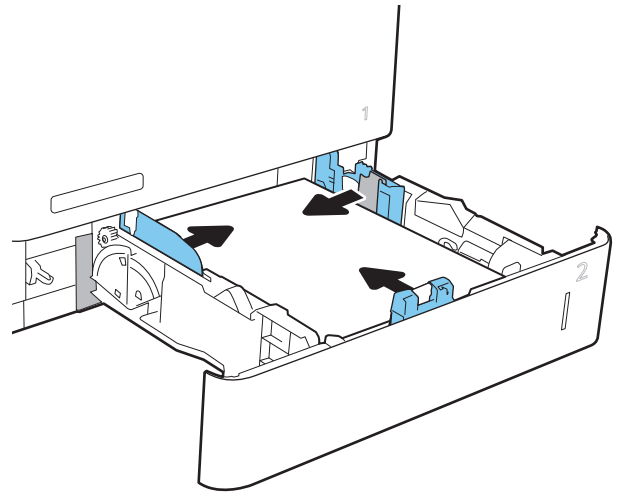
### 2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và ngang bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh màu xanh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



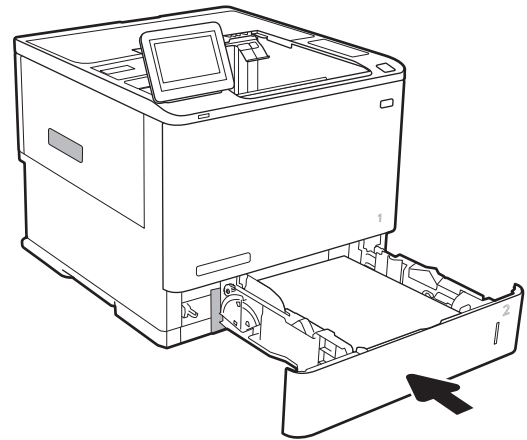
3. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Bảng 2-2 Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ](#) thuộc trang 24.

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

**GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng cách, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.

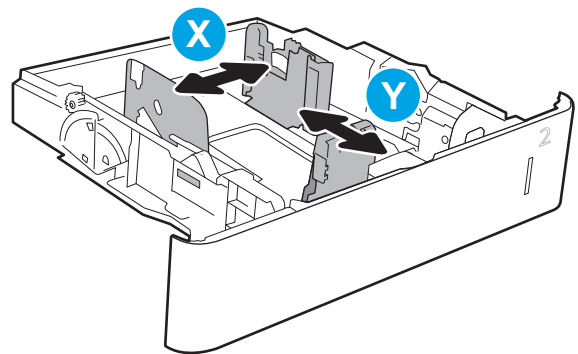


4. Đóng khay giấy.



5. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.

Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định các kích thước X và Y cho giấy khi có nhắc nhở xuất hiện trên bảng điều khiển của máy in.

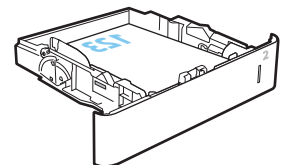
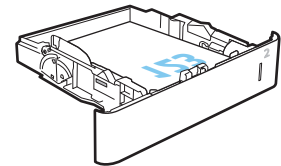
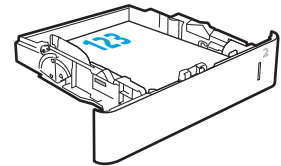


7. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

## Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ

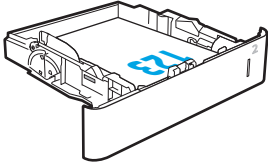
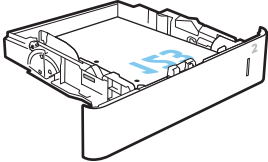
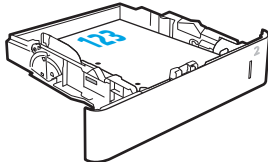
**Bảng 2-2** Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	In 1 mặt, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng lên Cạnh trên ở phía sau của khay
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng xuống Cạnh dưới ở phía sau của khay
	In 1 mặt, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía sau của khay

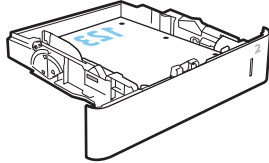
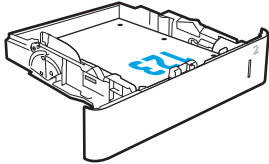




**Bảng 2-2 Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ (còn tiếp)**

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng lên Cạnh dưới ở phía sau của khay
			
Dập lỗ trước	In 1 mặt, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng về bên trái máy in
			
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, không có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về bên trái máy in
			

**Bảng 2-2** Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ (còn tiếp)

Loại giấy	Chế độ in hai mặt	Kích thước giấy	Cách nạp giấy
	In 1 mặt, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Statement, Oficio (8,5 x 13), 3 x 5, 4 x 6, 5 x 7, 5 x 8, A4, A5, A6, RA4, B5 (JIS), B6 (JIS), 10 x 15 cm, Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm, Bưu thiếp Nhật Bản (Bưu thiếp (JIS)), Bưu thiếp Nhật Bản xoay kép (Bưu thiếp Kép (JIS))	Mặt hướng xuống Các lỗ hướng về bên phải máy in 
	In hai mặt tự động hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật, có Hộp dập ghim HP	Letter, Legal, Executive, Oficio (8,5 x 13), A4, A5, RA4, B5 (JIS), Oficio (216 x 340), 16K 195 x 270 mm, 16K 184 x 260 mm, 16K 197 x 273 mm	Mặt hướng lên Các lỗ hướng về bên phải máy in 

## Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của máy in.

## Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

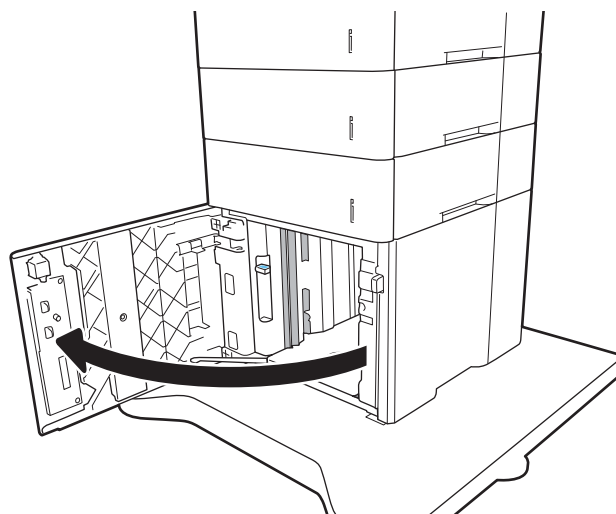
1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
  - b. [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
  - c. [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

## Nạp giấy vào khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ

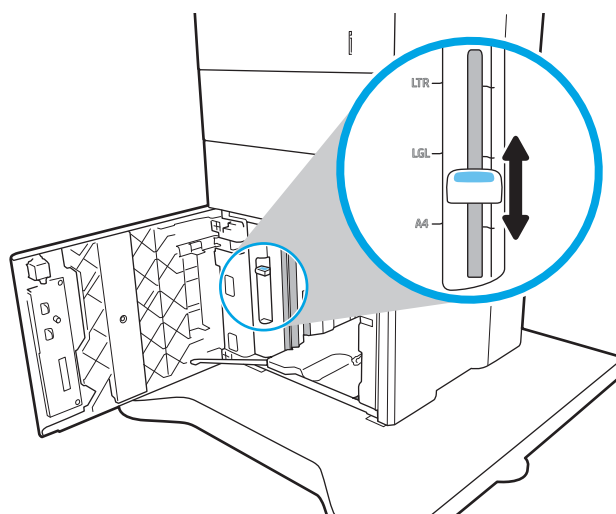
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay tiếp giấy dung lượng lớn, khay này có sẵn dưới dạng phụ kiện. Khay chứa được tối đa 2.100 tờ giấy 75 g/m<sup>2</sup>.

1. Mở khay ra.

**GHI CHÚ:** Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



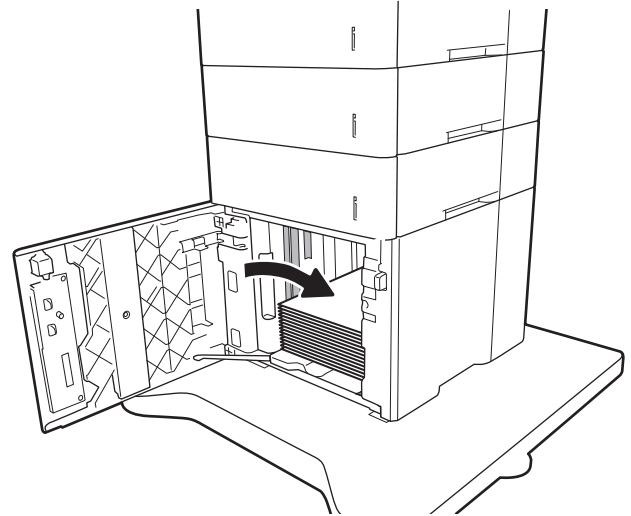
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc đến đúng vị trí dành cho giấy.



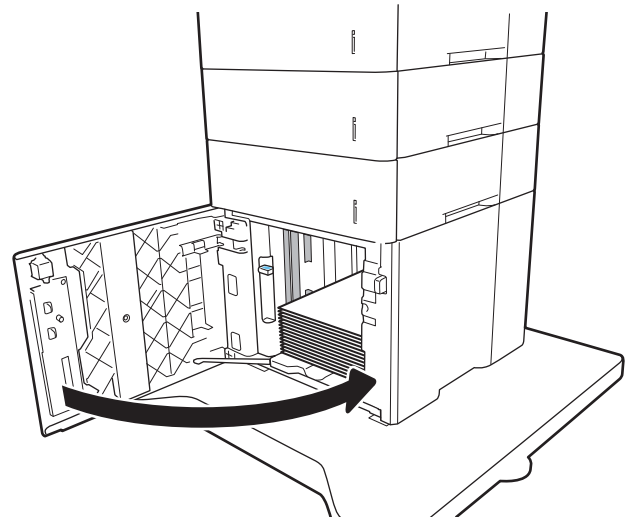
3. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy.

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

**GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng cách, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



4. Đóng khay giấy.



5. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Chọn nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc chọn nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
7. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm chọn nút **OK**.

# Nạp và in phong bì

## Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp phong bì. Sử dụng khay 1 hoặc phụ kiện khay nạp phong bì để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa 10 phong bì; phụ kiện khay nạp phong bì chứa tối đa 75 phong bì.


Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.


## In phong bì

### In phong bì từ Khay 1

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


---

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

### In phong bì từ phụ kiện khay nạp phong bì

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

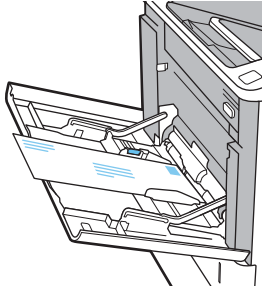
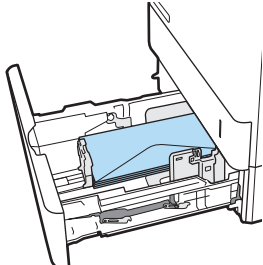
---

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Hoàn tất một trong các bước sau:

- Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
  - Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
  - Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Tray 3** (Khay 3) hoặc **Tray 4** (Khay 4), bất kỳ khay nào tương ứng với khay nạp phong bì.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
  6. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

## Hướng Phong bì

 **GHI CHÚ:** Máy in không hỗ trợ in hai mặt trên phong bì.


Khay	Kích thước phong bì	Cách nạp
Khay 1	Phong bì #9, Phong bì #10, Phong bì Quân chủ, Phong bì B5, Phong bì C5, Phong bì C6, Phong bì DL	Mặt hướng lên Cạnh ngăn có tem hướng vào máy in.
		
Phụ kiện khay nạp phong bì	Phong bì #9, Phong bì #10, Phong bì Quân chủ, Phong bì B5, Phong bì C5, Phong bì C6, Phong bì DL	Mặt hướng lên Cạnh ngăn có địa chỉ người gửi hướng vào máy in.
		

# Nạp và in nhãn

## Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách in và nạp nhãn.


Để in trên tờ nhãn, sử dụng khay 2 hoặc một trong các khay 550 tờ tùy chọn.


 **GHI CHÚ:** Khay 1 không hỗ trợ nhãn.

Để in nhãn bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp nhãn vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in. Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ chờ để in lệnh in cho đến khi máy phát hiện khay đã được mở.

## Tiếp nhãn theo cách thủ công

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

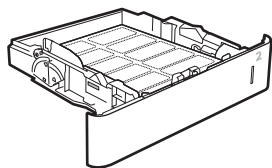
 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Labels** (Nhãn).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

## Hướng nhãn

Khay	Cách nạp nhãn
Khay 2-5	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở phía sau của khay



## Cấu hình hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim

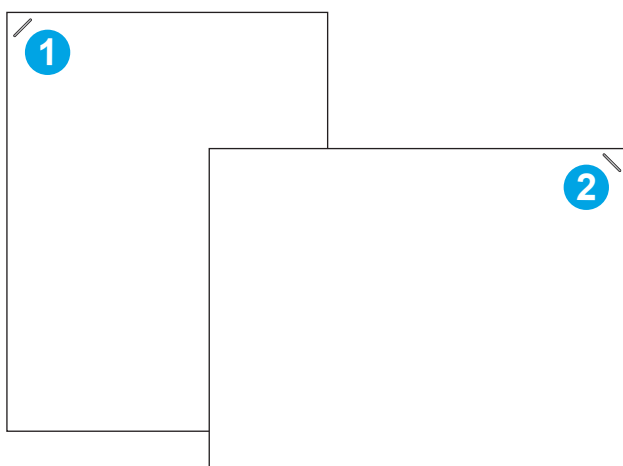
Thông tin sau đây mô tả cách nạp ghim dập và cấu hình các tùy chọn cho hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim.

Phụ kiện này có thể dập ghim tài liệu ở góc trên cùng bên trái hoặc trên cùng bên phải và nó có thể xếp thành chồng tối đa 1.000 tờ giấy trong ba ngăn giấy đầu ra. Các ngăn giấy đầu ra có ba tùy chọn cấu hình chế độ: chế độ xếp giấy, chế độ hộp thư hoặc chế độ có chức năng phân tách.

- [Cấu hình vị trí dập ghim mặc định](#)
- [Cấu hình chế độ hoạt động](#)

### Cấu hình vị trí dập ghim mặc định

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Quản lý bộ dập ghim/bộ xếp giấy**
  - b. **Staple (Ghim giấy)**
3. Chọn một vị trí dập ghim từ danh sách các tùy chọn và chọn **Save** (Lưu) hoặc **OK**. Sản phẩm có các tùy chọn sau:
  - **None** (Không): Không có ghim dập
  - **Top left or right** (Trên cùng bên trái hoặc phải): Nếu tài liệu có định hướng dọc, ghim giấy được dập ở góc trên cùng bên trái của cạnh giấy ngắn. Nếu tài liệu có định hướng ngang, ghim giấy được dập ở góc trên cùng bên phải của cạnh giấy dài.
  - **Top left** (Trên cùng bên trái): Ghim giấy được dập ở góc trên cùng bên trái của cạnh giấy ngắn.
  - **Top right** (Trên cùng bên phải): Ghim giấy được dập ở góc trên cùng bên phải của cạnh giấy dài.



- |   |   |
|---|---|
| 1 | Góc trên cùng bên trái của cạnh giấy ngắn |
| 2 | Góc trên cùng bên phải của cạnh giấy dài  |



## Cấu hình chế độ hoạt động

Sử dụng quy trình này để cấu hình cách máy in sắp xếp các lệnh in vào ngăn giấy đầu ra.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Quản lý bộ đập ghim/bộ xếp giấy**
  - b. **Operation Mode (Chế độ hoạt động)**
3. Chọn một chế độ trong danh sách các tùy chọn, sau đó chọn nút **Save** (Lưu). Sản phẩm có các tùy chọn sau:
  - **Mailbox** (Hộp thư): Máy in đặt các lệnh in trong từng ngăn khác nhau tùy theo người đã gửi chúng.
  - **Stacker** (Bộ xếp giấy): Máy in xếp chồng các lệnh in trong ngăn đầu ra từ dưới lên trên.
  - **Function Separator** (Chức năng phân tách): Máy in đặt các lệnh in trong các ngăn đầu ra khác nhau tùy theo chức năng máy in, ví dụ như tác vụ in, tác vụ sao chép hoặc tác vụ fax.


Để cấu hình trình điều khiển in HP cho các chế độ hoạt động đã chọn, hoàn tất các bước sau:

### Đối với Windows® 7

1. Đảm bảo máy in được bật và được kết nối với máy tính hoặc mạng.
2. Mở menu Start (Bắt đầu) của Windows®, sau đó nhấp vào **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).
3. Nhấp chuột phải vào tên máy in rồi chọn **Printer Properties** (Thuộc tính Máy in).
4. Nhấp vào tab **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).
5. Chọn **Update Now** (Cập nhật Ngay). Hoặc trong menu thả xuống kế bên **Automatic Configuration** (Cấu hình Tự động), chọn **Update Now** (Cập nhật Ngay).

### Windows® 8.0, 8.1 và 10

1. Nhấp chuột phải vào góc dưới cùng bên trái của màn hình.
2. Chọn **Control Panel** (Panen Điều khiển). Trong **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh), chọn **View devices and printers** (Xem thiết bị và máy in).
3. Nhấp chuột phải vào tên máy in rồi chọn **Printer Properties** (Thuộc tính Máy in).
4. Nhấp vào tab **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).
5. Chọn **Update Now** (Cập nhật Ngay). Hoặc trong menu thả xuống kế bên **Automatic Configuration** (Cấu hình Tự động), chọn **Update Now** (Cập nhật Ngay).

 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển V4 mới hơn không hỗ trợ **Update Now** (Cập nhật Ngay). Đối với các trình điều khiển này, hoàn tất **một** trong các quy trình sau đây:

- Cấu hình chế độ hoạt động theo cách thủ công trong **Accessory Output Bin** (Ngăn giấy đầu ra phụ kiện), nếu được liệt kê.
- Dừng và khởi động lại bộ đệm in
  - a. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu) (hoặc mở hộp tìm kiếm).
  - b. Nhập `services.msc` và nhấn phím **Enter** .
  - c. Nhấp chuột phải **Print Spooler** (Bộ đệm in) trong danh sách dịch vụ và chọn **Stop** (Dừng).
  - d. Nhấp chuột phải **Print Spooler** (Bộ đệm in) lần nữa và chọn **Start** (Bắt đầu).
- Tắt và khởi động lại máy tính.

## macOS

1. Từ menu Apple, nhấp vào **System Preferences** (Tùy chọn hệ thống).
2. Chọn **Print & Scan** (In & Quét) (hoặc **Printers & Scanners** (Máy in & Máy quét)).
3. Chọn máy in và chọn **Options & Supplies** (Tùy chọn & Nguồn cung cấp). Chọn **Driver** (Trình điều khiển).
4. Cấu hình **Accessory Output Mode** (Chế độ đầu ra phụ kiện) theo cách thủ công, nếu có. Hoặc, nếu không có thì chế độ hoạt động sẽ được lập cấu hình tại thời gian in.

---

## 3 Mực in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)
- [Thay thế hộp ghim dập](#)

### Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).

Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

# Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

## Đặt hàng

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.

# Thay thế hộp mực in

## Thông tin về hộp mực in

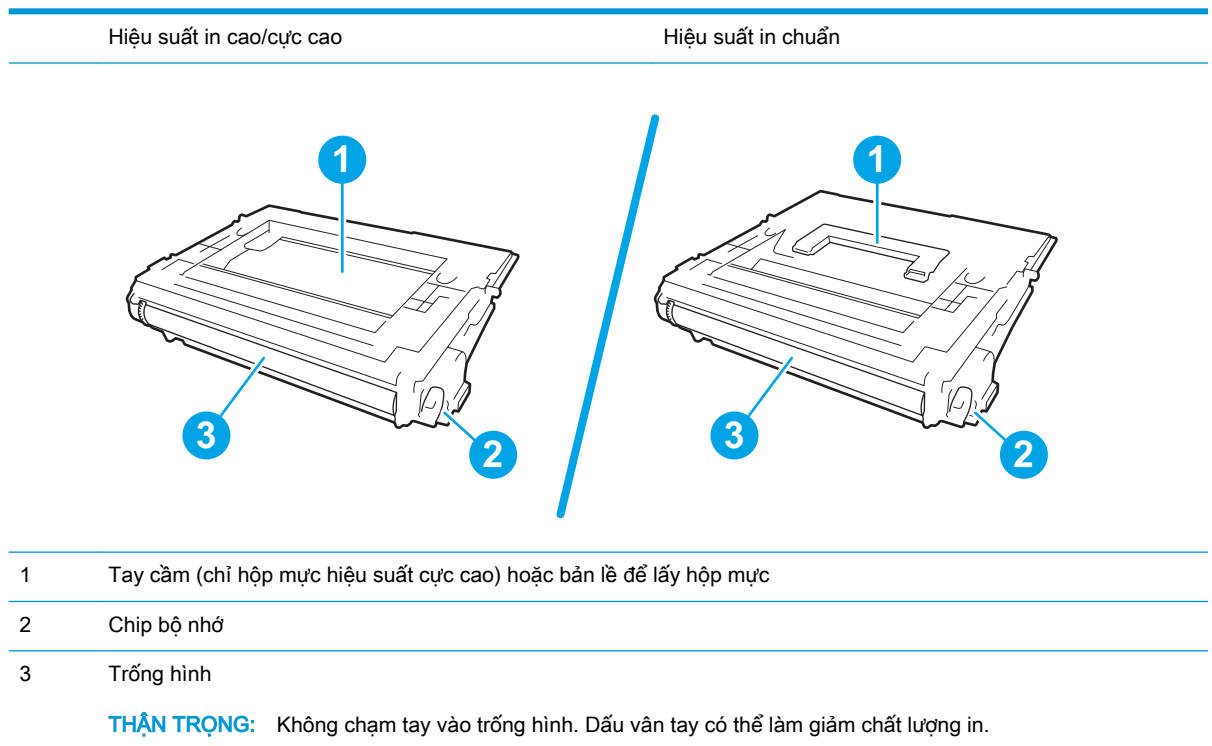
Máy in này sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Thời gian sử dụng thực tế của hộp mực in có thể thay đổi. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

**GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies).

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

**THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



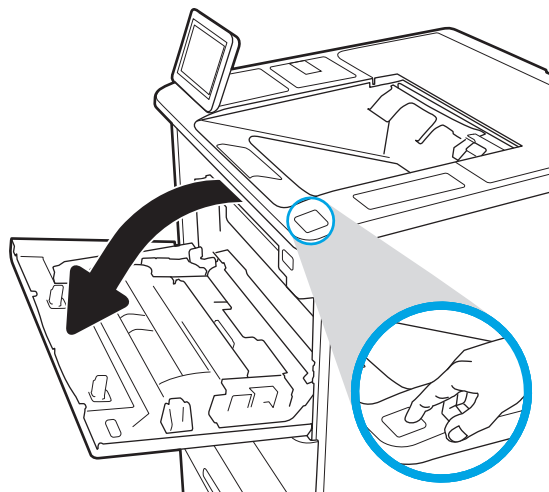
**THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

**GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

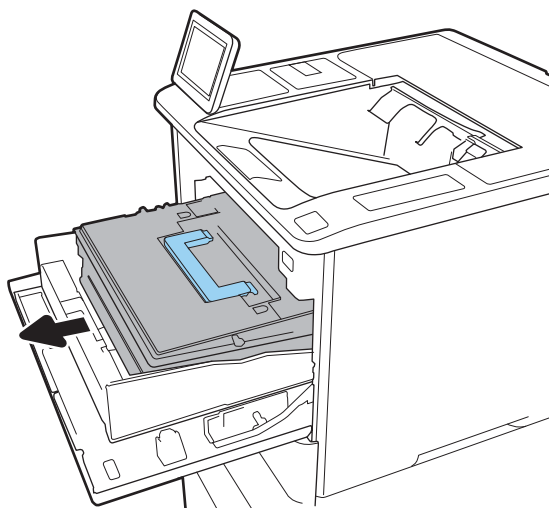
## Tháo và thay thế hộp mực

Khi hộp mực xuống đến mức gần hết, bảng điều khiển sẽ hiển thị một thông báo và cửa trước sẽ mở khóa để cho phép tiếp cận hộp mực.

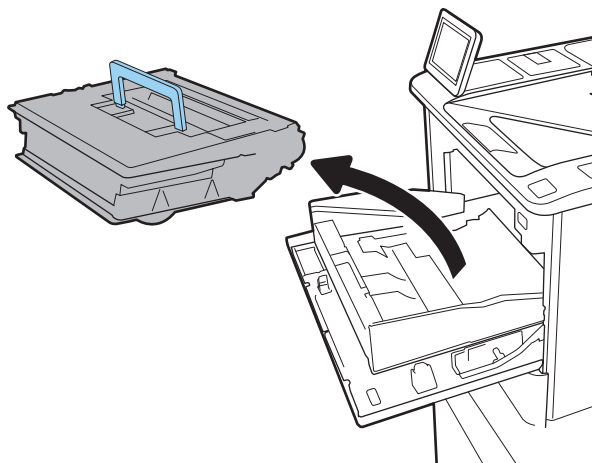
1. Nhấn nút nhà cửa hộp mực để mở cửa.



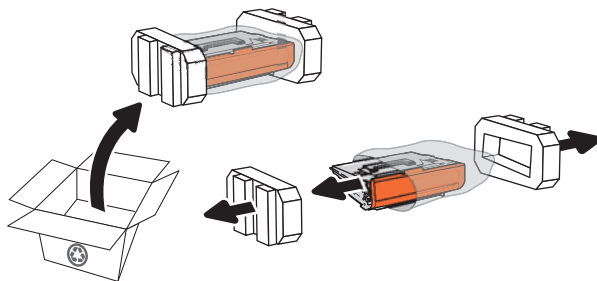
2. Kéo ngăn kéo hộp mực ra.



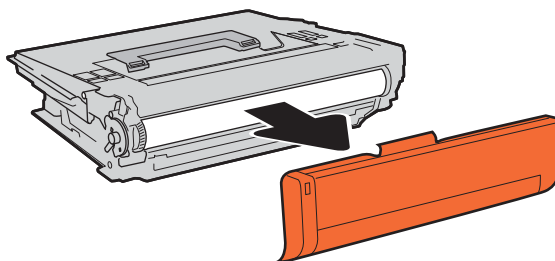
3. Nắm lấy tay cầm hoặc vết lõm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



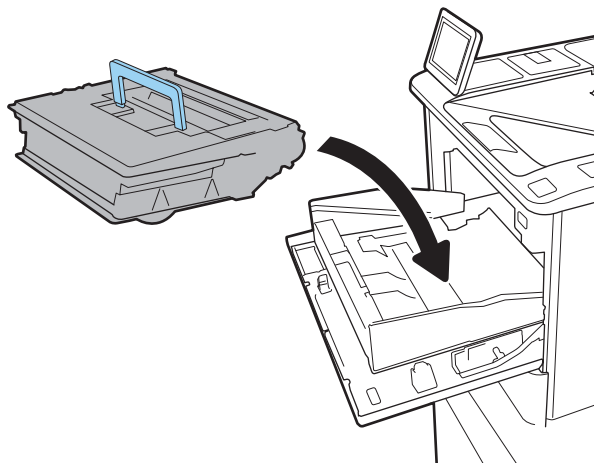
4. Tháo hộp mực in mới ra khỏi túi bảo vệ.



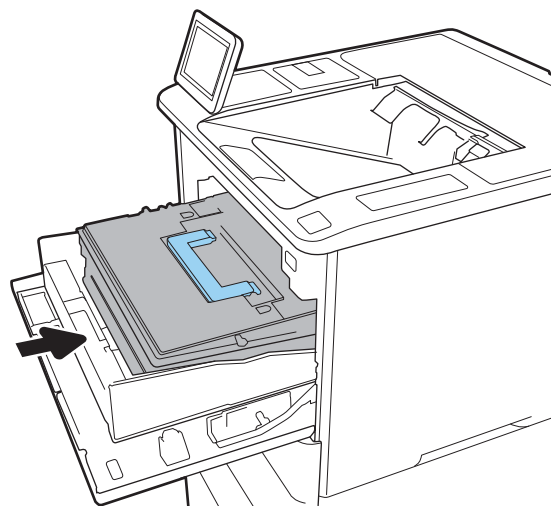
5. Tháo nắp vận chuyển.



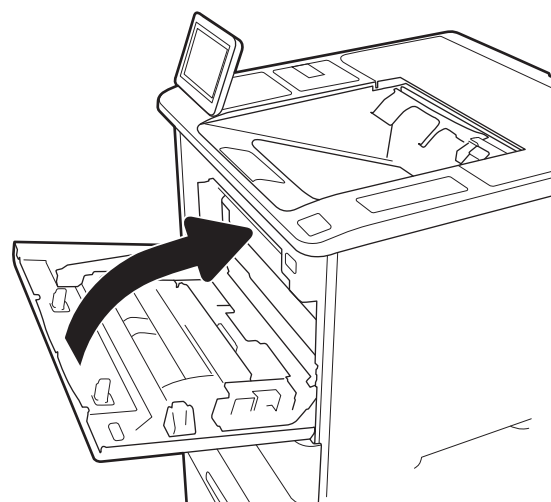
6. Đặt hộp mực in vào ngăn kéo hộp mực.



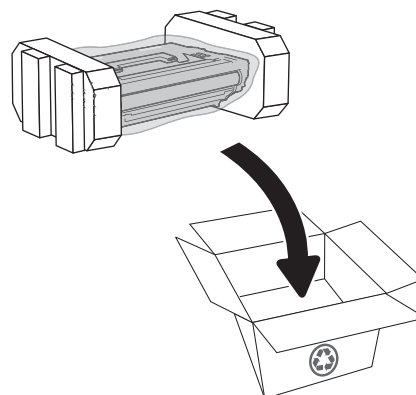
7. Đóng nắp hộp mực in.



8. Đóng nắp hộp mực.



9. Cho hộp mực in đã qua sử dụng vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới. Dán nhãn vận chuyển trả trước vào vỏ hộp và gửi lại hộp mực đã qua sử dụng cho HP để tái chế.

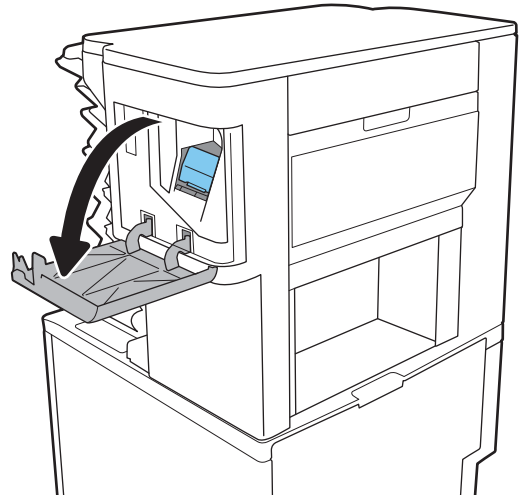


Khi hộp mực xuống đến mức gần hết, bảng điều khiển sẽ hiển thị một thông báo và cửa trước sẽ mở khóa để cho phép tiếp cận hộp mực.

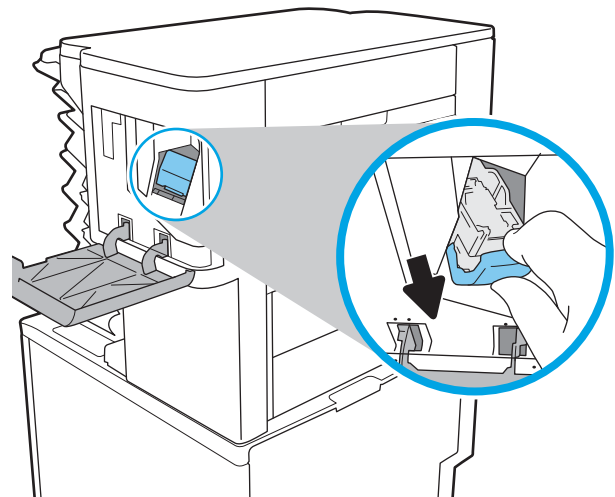


# Thay thế hộp ghim dập

1. Mở cửa bộ dập sách.



2. Kéo tay cầm được đánh màu trên ngăn chứa ghim và kéo ngăn chứa ghim thẳng ra ngoài.

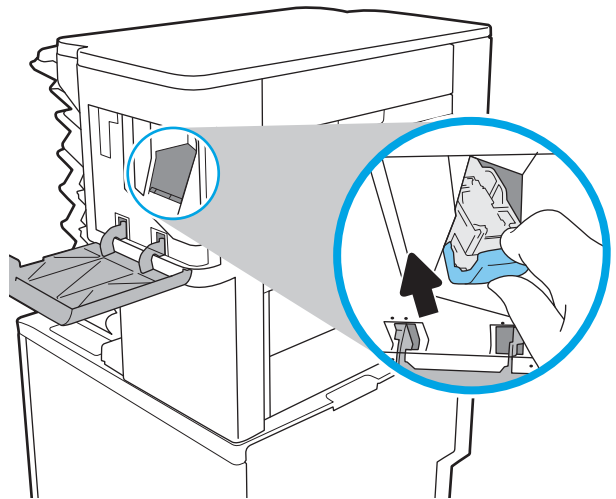


3. Nhấc hộp dập ghim hết ghim lên để tháo nó ra khỏi ngăn chứa ghim.

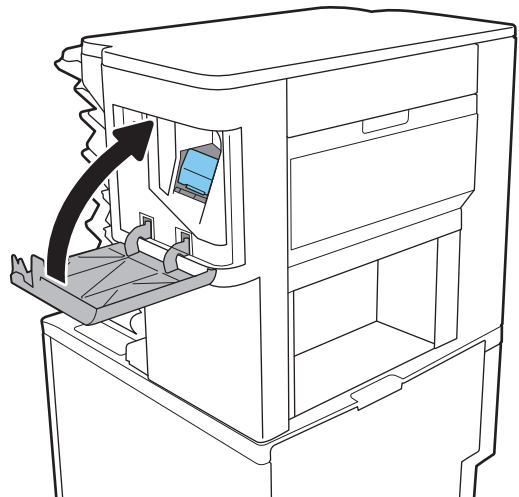
**QUAN TRỌNG:** Không được vứt bỏ ngăn chứa ghim. Bạn sẽ sử dụng nó để chứa hộp dập ghim mới.

4. Lắp hộp dập ghim mới vào trong ngăn chứa ghim.

5. Lắp ngăn chứa ghim vào lại bộ dập ghim và ấn tay cầm được đánh màu đi vào trong cho đến khi nó khớp vào đúng vị trí.



6. Đóng cửa bộ dập sách.



---

# 4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Tác vụ in \(macOS\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [In từ ổ USB flash](#)
- [In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao \(có dây\)](#)

## Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).

Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


# Thao tác in (Windows)


## Cách in (Windows)

Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

---

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.


3. Nhấp vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing** (Kết thúc), đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Nhấp vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh.


## In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu máy in không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides** (In trên cả hai mặt). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.


## In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:


- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides (manually)** (In hai mặt (thủ công)) và nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào **Print (In)** để in mặt đầu tiên của lệnh.
6. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
7. Nếu được nhắc, chọn nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:


- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


- 
3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
  4. Chọn số lượng trang in trên một trang giấy từ danh sách **Các trang trên một trang giấy** thả xuống.
  5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
  6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

## Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

- 
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
  4. Chọn loại giấy từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy).
  5. Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.

6. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.

7. Chọn nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc chọn nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
8. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm chọn nút **OK**.

## Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu


# Tác vụ in (macOS)

## Cách in (macOS)

Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho macOS.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

---


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


---

4. Nhấp vào nút **In**.

## Tự động in trên cả hai mặt (macOS)

---


 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

---

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).

---


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

---

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

## In thủ công trên cả hai mặt (macOS)


---

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

---

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

---

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

---

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong khay 1 ra.



7. Lấy chồng giấy đã in từ ngăn giấy đầu ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, chọn nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một tờ giấy (macOS)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).



**GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

## Chọn loại giấy (macOS)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



**GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).



**GHI CHÚ:** Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
  - **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
  - **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.
5. Nhấp vào nút **In**.

## Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

# Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng

## Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên máy in. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.


- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(macOS\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)
- [Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in](#)


## Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính) hoặc **Preferences** (Tùy chọn) (tên thay đổi tùy theo các chương trình phần mềm khác nhau).

---

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
  - **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- 
3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
  4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).
    - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
    - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
    - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.
    - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN

được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.

- Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
  - **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
- Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

## Tạo lệnh in đã lưu (macOS)

Lưu trữ lệnh in trên máy in để in riêng hoặc tạm hoãn.

- Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print (In)**.
- Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
- Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách menu thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
- Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
  - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
  - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi có ai đó yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), hãy cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
  - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để có thể in lại sau.
  - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), người in lệnh phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển.
- Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.


- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
  - **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
- Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh in đã lưu) hoặc tùy chọn **Personal Job** (Lệnh in cá nhân) trong bước 4, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào

trường **Use PIN to Print** (Sử dụng mã PIN để in). Khi người khác tìm cách in lệnh in này, máy in sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.

7. Bấm vào nút **Print** (In) để in.

## In lệnh in đã lưu

Sử dụng quy trình này để in một tài liệu nằm trong một thư mục lưu trữ lệnh in trên máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn **Print** (In), sau đó chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in).
2. Trong **Stored Jobs to Print** (Lệnh đã lưu trữ để in), chọn **Choose** (Lựa chọn), sau đó chọn thư mục nơi tài liệu được lưu.
3. Chọn tài liệu và chạm vào **Select** (Chọn).  
Nếu tài liệu ở chế độ riêng tư, hãy nhập mã PIN bốn chữ số vào trường **Password** (Mật khẩu) và chọn **OK**.
4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, chọn hộp ở bên trái của nút **Print** (In) và chọn số lượng bản sao từ bàn phím mở. Chọn nút Close  (Đóng) để đóng bàn phím.
5. Chọn **Print** (In) để in tài liệu.


## Xóa lệnh in đã lưu

Bạn có thể xóa tài liệu đã được lưu đến máy in khi không cần chúng nữa. Bạn cũng có thể điều chỉnh số lượng lệnh tối đa cho máy in để lưu trữ.

- [Xóa một lệnh được lưu trên máy in](#)
- [Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh](#)

## Xóa một lệnh được lưu trên máy in

Bạn có thể xóa tài liệu đã được lưu đến máy in khi không cần chúng nữa. Bạn cũng có thể điều chỉnh số lượng lệnh tối đa cho máy in để lưu trữ.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn **Print** (In).
2. Chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in).
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên thư mục nơi lệnh được lưu.
4. Chọn tên lệnh. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
5. Chọn nút Trash  (Thùng rác) để xóa lệnh.

## Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh

Khi một lệnh mới được lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh nào trước đó có cùng tên lệnh và người dùng. Nếu lệnh không được lưu với cùng tên lệnh và người dùng, và máy in cần có thêm bộ nhớ, máy in có thể sẽ xóa các lệnh đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh cũ nhất. Làm theo các bước sau để thay đổi số lượng lệnh mà máy in có thể lưu trữ:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - b. **Manage Stored Jobs** (Quản lý lệnh in đã lưu)
  - c. **Temporary Job Storage Limit** (Giới hạn lưu trữ lệnh in tạm thời)
3. Sử dụng bàn phím để nhập số lượng lệnh mà máy in lưu trữ.
4. Bấm nút **OK** hoặc chạm vào **Done** (Xong) để lưu cài đặt.


## Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in

Lệnh in được gửi từ trình điều khiển trên máy khách (ví dụ như máy tính cá nhân) có thể gửi thông tin cho phép nhận dạng cá nhân đến Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP. Thông tin này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong phạm vi tên người dùng và tên máy khách khởi phát lệnh mà có thể được sử dụng cho mục đích kế toán lệnh in, do Quản trị viên của thiết bị in xác định. Thông tin này cũng có thể được lưu trữ cùng với lệnh trên thiết bị lưu trữ lớn (ví dụ như ổ đĩa) của thiết bị in khi sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in.

# Giải pháp in di động

## Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập [www.hp.com/go/MobilePrinting](http://www.hp.com/go/MobilePrinting).

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở của máy in để đảm bảo tất cả các chức năng in di động và ePrint đều được hỗ trợ.

- [Wi-Fi Direct \(chỉ dành cho kiểu máy không dây, có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless\)](#)
- [HP ePrint qua email](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)

## Wi-Fi Direct (chỉ dành cho kiểu máy không dây, có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless)

HP cung cấp tính năng in Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, Giao tiếp cận trường (NFC) và Bluetooth Low Energy (BLE) cho các máy in có Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless được hỗ trợ. Phụ kiện này có sẵn dưới dạng tùy chọn dành cho máy in HP LaserJet có ổ tích hợp phần cứng (HIP).

In Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, NFC và BLE cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Đối với chức năng in walk-up di động này, máy in không cần phải được kết nối với mạng để hoạt động.

Sử dụng Wi-Fi Direct Print để in không dây từ các thiết bị hoặc dịch vụ sau đây:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch sử dụng ứng dụng Apple AirPrint hoặc HP Smart
- Thiết bị di động Android sử dụng giải pháp in nhúng của Android hoặc ứng dụng HP Smart
- Máy tính và máy Mac sử dụng HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- HP Roam
- Google Cloud Print

Để biết thêm thông tin về in không dây, hãy đến [www.hp.com/go/wirelessprinting](http://www.hp.com/go/wirelessprinting).

Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng NFC và Wi-Fi Direct Print từ bảng điều khiển của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:

- a. [Hoạt động mạng](#)
  - b. [Wi-Fi Direct](#)
  - c. [Tình trạng](#)
3. Chọn **On** (Bật) và chọn **OK** để kích hoạt chức năng in không dây.



**GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, cung cấp cho mỗi máy in một tên Wi-Fi Direct riêng biệt có thể giúp nhận diện máy in để in Wi-Fi Direct dễ dàng hơn. Có sẵn các tên mạng không dây như Wi-Fi, Wi-Fi Direct, v.v. trên màn hình Information (Thông tin) bằng cách nhấn hoặc chạm vào nút Information **i** (Thông tin) trên bảng điều khiển máy in và chọn tùy chọn Network (Mạng) hoặc tùy chọn Wireless (Không dây).

Hoàn tất quy trình sau đây để thay đổi tên Wi-Fi Direct của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. [Hoạt động mạng](#)
  - b. [Wi-Fi Direct](#)
  - c. [Wi-Fi Direct name \(Tên Wi-Fi Direct\)](#)
3. Sử dụng bàn phím để thay đổi tên trong trường văn bản [Wireless Direct Name](#) (Tên Wireless Direct). Chọn **OK** (Chế độ tiết kiệm).

## HP ePrint qua email

Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với trang web HP Connected.


Thực hiện theo các bước sau đây để bật Dịch vụ Web HP và đăng ký với HP Connected:

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):
  - a. Tìm địa chỉ IP của máy in. Trên bảng điều khiển máy in, bấm nút **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.



- b. Từ máy tính trên cùng một mạng với máy in, hãy mở trình duyệt web. Trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP).

3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

 **GHI CHÚ:** Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.


4. Truy cập [www.hpconnected.com](http://www.hpconnected.com) để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình thiết lập.

## AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS và từ các máy tính Mac chạy macOS 10.7 Lion trở lên. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba


Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập [www.hp.com/go/MobilePrinting](http://www.hp.com/go/MobilePrinting).

 **GHI CHÚ:** Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

## In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Giải pháp in được tích hợp vào nhiều phiên bản của hệ điều hành.

 **GHI CHÚ:** Nếu chức năng in hiện không khả dụng trên thiết bị của bạn, hãy đến [Google Play > Android apps](https://play.google.com/store/apps/details?id=com.hp.print.plugin) (Google Play > Ứng dụng Android) và cài đặt HP Print Service Plugin.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập [www.hp.com/go/MobilePrinting](http://www.hp.com/go/MobilePrinting).

# In từ ổ USB flash

## Giới thiệu

Máy in này có tính năng in easy-access USB để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính. Máy in chấp nhận các ổ USB flash chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Cổng USB trên bảng điều khiển hỗ trợ các loại tệp sau đây:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht
- [Bật cổng USB để in](#)
- [In tài liệu USB](#)



## Bật cổng USB để in

Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB. Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng:


### Phương pháp một: Bật cổng USB từ các menu trên bảng điều khiển máy in


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau
  - a. [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
  - b. [Enable Print From USB Drive](#) (Bật in từ ổ đĩa USB)
3. Chọn tùy chọn [Enabled](#) (Bật).

### Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web và trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>


 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

3. Chọn tab **Copy/Print** (Sao chép/In) cho kiểu máy in đa năng hoặc tab **Print** (In) cho kiểu máy in đơn năng.
4. Trong menu bên trái, chọn **Print from USB Drive Settings** (Cài đặt in từ ổ đĩa USB).
5. Chọn **Enable Print from USB Drive** (Bật in từ ổ đĩa USB).
6. Bấm **Apply** (Áp dụng).

## In tài liệu USB

1. Lắp ổ flash USB vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn **Print** (In), sau đó chọn **Print from USB Drive** (In từ ổ đĩa USB).
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn), chọn tên của tài liệu cần in rồi chọn **Select** (Chọn).

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, hãy chọn trường cho số lượng bản sao. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
5. Chọn **Print** (In) để in tài liệu.

# In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây)

## Bật cổng USB tốc độ cao để in

Máy in này có cổng USB 2.0 tốc độ cao để in bằng USB có dây. Cổng này nằm ở khu vực cổng giao diện ở mặt sau của máy in và bị tắt theo mặc định. Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng. Sau khi bật cổng, hãy cài đặt phần mềm sản phẩm để in bằng cổng này.


### Phương pháp một: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ các menu trên bảng điều khiển máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây
  - a. **General** (Chung)
  - b. **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
3. Chọn tùy chọn **Enabled** (Bật).

### Phương pháp hai: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information (Thông tin) **i** và chọn biểu tượng Network (Mạng) **🌐** để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web và trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

3. Chọn tab **Security** (Bảo mật).
4. Ở bên trái màn hình, chọn **General Security** (Bảo mật chung).
5. Cuộn xuống đến **Hardware Ports** (Cổng phần cứng) và chọn hộp kiểm để bật cả hai mục:
  - **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
  - **Enable Host USB plug and play** (Bật cắm và chạy USB chủ)
6. Bấm **Apply** (Áp dụng).

---

## 5 Quản lý máy in

- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở](#)

### Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).

Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

# Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

- [Giới thiệu](#)
- [Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP](#)

## Giới thiệu

Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.

- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.



**GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.

Để sử dụng Máy chủ web nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:


**Bảng 5-1 Yêu cầu về trình duyệt**


Hệ điều hành	Trình duyệt
Đối với Windows® 7	Internet Explorer (phiên bản 8.x trở lên)
	Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
	Firefox (phiên bản 20.x trở lên)
Windows® 8 trở lên	Internet Explorer (phiên bản 9.x trở lên)
	Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
	Firefox (phiên bản 20.x trở lên)
macOS	Safari (phiên bản 5.x trở lên)
	Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
Linux	Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
	Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

## Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)

Làm theo các bước sau đây để mở Máy chủ web nhúng HP (EWS).

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information ⓘ (Thông tin) và chọn biểu tượng Network 🌐 (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

## Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

### Tab Information (Thông Tin)

**Bảng 5-2 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Device Status (Trạng thái thiết bị)</b>	Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết <b>Change Settings</b> (Thay đổi Cài đặt).
<b>Configuration Page (Trang cấu hình)</b>	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
<b>Supplies Status Page (Trang trạng thái nguồn cung cấp)</b>	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho máy in.
<b>Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)</b>	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in. Sử dụng liên kết <b>HP Instant Support</b> (Hỗ trợ Tức thời của HP) (trong vùng <b>Other Links</b> (Liên kết Khác) trên tất cả các trang của Máy chủ Web Nhúng của HP) để kết nối với tập hợp các trang web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho máy in.
<b>Số lượng trang đã dùng</b>	Hiển thị tóm tắt số trang máy in đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
<b>Device Information (Thông tin thiết bị)</b>	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ và kiểu máy in. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu <b>Device Information</b> (Thông tin Thiết bị) trên tab <b>General</b> (Chung).
<b>Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)</b>	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
<b>Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)</b>	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho máy in. Chọn một hoặc nhiều mục sẽ in hoặc xem.
<b>Open Source Licenses (Giấy phép nguồn mở)</b>	Hiển thị một bản tóm tắt các giấy phép dành cho các chương trình phần mềm nguồn mở có thể sử dụng được với máy in.

## Tab General (Chung)

**Bảng 5-3 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Display Settings (Cài đặt màn hình)</b>	Lập cấu hình các cài đặt cho âm thanh, thời gian chờ khi không hoạt động, các cảnh báo có thể xóa và các sự kiện có thể tiếp tục.
<b>Control Panel Language and Keyboard Layouts (Ngôn ngữ bảng điều khiển và bố cục bàn phím)</b>	Chọn ngôn ngữ mặc định cho các thông báo trên bảng điều khiển và bố cục bàn phím mặc định cho từng ngôn ngữ.
<b>Alerts (Cảnh báo)</b>	Thiết lập cảnh báo qua email cho các sự kiện của máy in và các nguồn cung cấp khác nhau.
<b>Control Panel Settings App (Ứng dụng cài đặt bảng điều khiển)</b>	Hiển thị các tùy chọn ứng dụng Cài đặt hiện có trên bảng điều khiển máy in.
<b>General Settings (Cài đặt chung)</b>	Cấu hình cách máy in phục hồi từ kẹt giấy và liệu các lệnh sao chép đã được bắt đầu ở bảng điều khiển máy in có chiếm quyền ưu tiên so với lệnh in không.
<b>AutoSend (Tự động gửi)</b>	Lập cấu hình máy in để gửi các email tự động về cấu hình máy in và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.
<b>Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)</b>	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị ở vùng chân trang trên tất cả các trang Máy chủ web nhúng của HP.
<b>Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)</b>	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
<b>Device Information (Thông tin thiết bị)</b>	Đặt tên máy in và gán một mã số tài sản cho máy in này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về máy in.
<b>Ngôn ngữ</b>	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
<b>Nâng cấp Chương trình cơ sở</b>	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
<b>Date/Time Settings (Cài đặt ngày/giờ)</b>	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
<b>Cài đặt Năng lượng</b>	Thiết lập hoặc chỉnh sửa các cài đặt nghỉ ảnh hưởng đến lượng điện năng mà máy in sử dụng, thời gian hoạt động trở lại/ngủ, thời gian máy in chuyển sang chế độ nghỉ và thời gian để hoạt động trở lại sau chế độ nghỉ.
<b>Backup and Restore (Sao lưu và lưu trữ)</b>	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về máy in và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho máy in.
<b>Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)</b>	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
<b>Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)</b>	Cài đặt các gói phần mềm của bên thứ ba để mở rộng hoặc thay đổi chức năng của máy in.
<b>Job Statistics Settings (Cài đặt thống kê lệnh in)</b>	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba.
<b>Quota Settings (Cài đặt hạn mức)</b>	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ hạn mức lệnh in của bên thứ ba.



## Tab Print (In)

**Bảng 5-4 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Print from USB drive settings (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)</b>	Bật hoặc tắt menu <a href="#">Print from USB Drive</a> (In từ Ổ đĩa USB) trên bảng điều khiển.
<b>Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)</b>	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ máy in. Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.
<b>Default Print Options (Tùy chọn in mặc định)</b>	Lập cấu hình các tùy chọn mặc định cho lệnh in.
<b>Restrict Color (Giới hạn màu)</b>  (Chỉ các máy in màu)	Cho phép hoặc giới hạn in màu.  Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.
<b>PCL and PostScript Settings (Cài đặt PCL và PostScript)</b>	Điều chỉnh các cài đặt PCL và PostScript cho tất cả các lệnh in.
<b>Print Quality (Chất lượng in)</b>	Lập cấu hình các cài đặt chất lượng in, bao gồm điều chỉnh màu, đăng ký hình ảnh và các loại giấy được cho phép.
<b>Manage Trays (Quản lý khay)</b>	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

## Tab Supplies (Mực in)

**Bảng 5-5 Tab Supplies (Nguồn cung cấp) của Máy chủ web nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Manage Supplies (Quản lý mực in)</b>	Lập cấu hình cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết.

## Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

**Bảng 5-6 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Xử lý sự cố Chung</b>	Chọn từ nhiều loại báo cáo và kiểm tra khác nhau để giúp giải quyết các vấn đề với máy in.
<b>Online Help (Trợ giúp trực tuyến)</b>	Liên kết đến trợ giúp trực tuyến nền tảng HP để hỗ trợ khắc phục các sự cố in.
<b>Diagnostic Data (Dữ liệu chẩn đoán)</b>	Xuất thông tin máy in vào một tệp có thể hữu ích cho việc phân tích vấn đề chi tiết. <b>GHI CHÚ:</b> Mục này chỉ khả dụng nếu một mật khẩu người quản trị được đặt từ tab <b>Security</b> (Bảo mật).
<b>Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Làm sạch)</b>	Cài đặt lau dọn và hiệu chỉnh, in trang lau dọn và thực hiện hiệu chỉnh toàn bộ hoặc một phần.
<b>Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)</b>	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
<b>Nâng cấp Chương trình cơ sở</b>	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.

## Tab Security (Bảo mật)

**Bảng 5-7 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>General Security (Bảo mật chung)</b>	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>Lập cấu hình mật khẩu quản trị viên để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên máy in.</li><li>Đặt mật khẩu PjL để xử lý các lệnh PjL.</li><li>Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở.</li><li>Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính.</li><li>Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.</li></ul>
<b>Account Policy (Chính sách tài khoản)</b>	Bật các cài đặt tài khoản quản trị viên.
<b>Access Control (Kiểm soát truy cập)</b>	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của máy in cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào máy in.
<b>Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)</b>	Lập cấu hình và quản lý ổ đĩa cứng bên trong cho máy in. Máy in này bao gồm ổ đĩa cứng được mã hóa để bảo mật tối đa.  Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trên ổ đĩa cứng của máy in.
<b>Manage Remote Apps (Quản lý ứng dụng từ xa)</b>	Quản lý hoặc cho phép các ứng dụng từ xa bằng cách nhập hoặc xóa chứng chỉ để cho phép thiết bị sử dụng sản phẩm này.
<b>Certificate Management (Quản lý chứng nhận)</b>	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào máy in và mạng.
<b>Bảo mật Dịch vụ Web</b>	Cho phép các tài nguyên trên máy in này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
<b>Tự Kiểm tra</b>	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

## Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP) để lập cấu hình và bật Dịch vụ Web HP cho máy in này. Cần phải bật Dịch vụ Web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

**Bảng 5-8 Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trên Máy chủ web nhúng HP**

Menu	Mô tả
<b>Cài đặt Dịch vụ Web</b>	Kết nối máy in này với HP Connected trên web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP).
<b>Web Proxy</b>	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối máy in với Internet.
<b>Smart Cloud Print</b>	Bật Smart Cloud Print để cho phép truy cập vào các ứng dụng dựa trên web nhằm mở rộng khả năng của máy in.

## Tab Networking (Hoạt động mạng)


Sử dụng tab **Networking (Mạng)** để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho máy in khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu máy in được kết nối với các loại mạng khác.

**Bảng 5-9 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP**

Menu	Mô tả
<b>Configuration (Cấu hình)</b>	
Wi-Fi Direct	Lập cấu hình các cài đặt Wi-Fi Direct dành cho máy in có bao gồm in Wi-Fi Direct Print và NFC nhúng hoặc có lắp đặt một phụ kiện không dây.  <b>GHI CHÚ:</b> Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
TCP/IP Settings (Cài đặt IPV6)	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6.  <b>GHI CHÚ:</b> Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
Cài đặt Khác	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
AirPrint	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các máy in được hỗ trợ của Apple.
Chọn Ngôn ngữ	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ Web Nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
Select Location (Chọn vị trí)	Chọn quốc gia/vùng dành cho máy in.
<b>Google Cloud Print</b>	
Setup (Cài đặt)	Thiết lập tùy chọn Google Cloud Print.
Web Proxy	Cấu hình các cài đặt proxy.
<b>Security (Bảo mật)</b>	
Settings (Cài đặt)	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu.  Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật.  <b>GHI CHÚ:</b> Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.
Authorization (Ủy quyền)	Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>• Đặt hoặc thay đổi mật khẩu người quản trị để kiểm soát truy cập vào các thông số cấu hình.</li><li>• Yêu cầu, cài đặt và quản lý chứng chỉ kỹ thuật số trên máy chủ in HP Jetdirect.</li><li>• Hạn chế truy cập máy chủ vào máy in này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).</li></ul>

<b>Secure Communication (Liên lạc bảo mật)</b>	Cấu hình các cài đặt an toàn.
<b>Mgmt. Protocols (Quản lý giao thức)</b>	Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS.</li> <li>• Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in.</li> <li>• Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.</li> </ul>
<b>802.1X Authentication (Xác thực 802.1X)</b>	Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu.  <b>THẬN TRỌNG:</b> Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X; máy in có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại máy in.
<b>IPsec/Firewall (IPsec/Tường lửa)</b>	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
<b>Announcement Agent (Tác nhân thông báo)</b>	Bật hoặc tắt Tác nhân thông báo Thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.
<b>Diagnostics (Chẩn đoán)</b>	
<b>Network Statistics (Thống kê mạng)</b>	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
<b>Protocol Info (Thông tin giao thức)</b>	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
<b>Configuration Page (Trang cấu hình)</b>	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

## Danh sách Other Links (Liên kết Khác)

 **GHI CHÚ:** Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị ở chân trang của Máy chủ web nhúng HP bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links** (Chỉnh sửa Liên kết Khác) trên tab **General** (Chung). Các mục sau là liên kết mặc định.

**Bảng 5-10** Danh sách Other Links (Liên kết Khác) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
<b>HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)</b>	Kết nối với trang web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của máy in.
<b>Shop for Supplies (Mua Nguồn cung cấp)</b>	Kết nối với trang web HP SureSupply để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
<b>Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)</b>	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho máy in để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.

# Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Từ chối chia sẻ máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên máy in trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

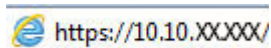
## Từ chối chia sẻ máy in


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information ⓘ (Thông tin) và chọn biểu tượng Network ㉔ (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



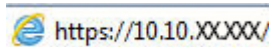
 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


3. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

## Đổi tên máy in trên mạng

Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất máy in, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.


1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information ⓘ (Thông tin) và chọn biểu tượng Network ㉔ (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

3. Mở tab **General** (Chung).
4. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Name** (Tên Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

---

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

---

5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

## Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới và cổng mặc định theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Hoạt động mạng**
  - b. **Ethernet**
  - c. **TCP/IP**
  - d. **Cài đặt IPV 4**
  - e. **Config Method (Phương pháp cấu hình)**
3. Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công) và chọn **OK**.
4. Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt Thủ công).
5. Chọn tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng Phụ), hoặc **Default Gateway** (Cổng Mặc định).
6. Sử dụng bàn phím số để nhập các số chính xác cho trường, sau đó chọn **OK**.  
Lặp lại quy trình cho từng trường cần được cấu hình.


## Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:
  - a. **Hoạt động mạng**
  - b. **Ethernet**
  - c. **TCP/IP**
  - d. **IPV6 Settings (Cài đặt IPV6)**
3. Chọn **Enable** (Kích hoạt), chọn **On** (Bật), rồi chọn **OK**.


4. Mở menu [Address](#) (Địa chỉ).
5. Mở menu [Manual Settings](#) (Cài đặt thủ công), sau đó chọn [Address](#) (Địa chỉ). Sử dụng bàn phím để nhập địa chỉ, sau đó chọn [OK](#).

## Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. [Hoạt động mạng](#)
  - b. [Ethernet](#)
  - c. [Tốc độ Liên kết](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
  - [Auto](#) (Tự động): Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
  - [10T Half](#) (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
  - [10T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 Mbps
  - [10T Auto](#) (10TX tự động): Truyền song công tự động, 10 Mbps
  - [100TX Half](#) (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
  - [100TX Full](#) (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps
  - [100TX Auto](#) (100TX tự động): Truyền song công tự động, 100 Mbps
  - [1000T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chọn [OK](#) (Chế độ tiết kiệm). Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

# Các tính năng bảo mật của máy in

## Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

- [Tuyên bố bảo mật](#)
- [Bảo mật IP](#)
- [Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP](#)
- [Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)

## Tuyên bố bảo mật

Máy in hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho máy in, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì máy in.

## Bảo mật IP

Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra máy in. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.


Đối với những máy in được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.

## Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP

Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng Information ⓘ (Thông tin) và chọn biểu tượng Network 🌐 (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


 <https://10.10.XXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.


3. Nhấp tab **Security** (Bảo mật).
4. Mở menu **General Security** (Bảo mật Chung).
5. Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password** (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ), nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username** (Tên người dùng).



6. Nhập mật khẩu vào trường **New Password** (Mật khẩu Mới), sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password** (Xác nhận Mật khẩu).

 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password** (Mật khẩu Cũ).


7. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).

 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn. Không thể khôi phục mật khẩu quản trị viên. Nếu làm mất hoặc đã quên mật khẩu quản trị viên, hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của HP tại [support.hp.com](http://support.hp.com) để được hỗ trợ cần thiết để đặt lại máy in hoàn toàn.



Một số tính năng trên bảng điều khiển máy in có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, máy in sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chọn **Sign In** (Đăng nhập) từ bảng điều khiển của máy in.

Thông thường, thông tin đăng nhập vào máy in giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho máy in này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

1. Đăng nhập vào máy in:

- **Bảng điều khiển bàn phím:** Bấm nút Sign In  (Đăng nhập)
- **Bảng điều khiển màn hình cảm ứng:** Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Sign In** (Đăng nhập).

2. Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho máy in, nhấn nút Sign Out  (Đăng xuất) hoặc chọn **Sign Out** (Đăng xuất) khi sử dụng xong máy in.

## Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của máy in. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

## Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

# Các cài đặt bảo tồn năng lượng


## Giới thiệu

- [In bằng EconoMode](#)
- [Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)

## In bằng EconoMode

Máy in này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ Tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng Chế độ Tiết kiệm cũng có thể làm giảm chất lượng in.

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu Chế độ Tiết kiệm được sử dụng thường xuyên, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực in. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

### Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ trình điều khiển in

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Bấm vào ô **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm) để bật tính năng này, sau đó bấm **OK**.

### Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ bảng điều khiển của máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
  - b. **Default Print Options** (Tùy chọn in mặc định)
  - c. **Economode** (Chế độ tiết kiệm)
3. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt) để bật hoặc tắt tính năng.


## Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Cài đặt nghỉ ảnh hưởng đến lượng điện năng mà máy in sử dụng, thời gian hoạt động trở lại/ngủ, thời gian máy in chuyển sang chế độ nghỉ và thời gian để hoạt động trở lại sau chế độ nghỉ.

Để lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi đang ở chế độ nghỉ, nhập thời gian cho cả hai cài đặt **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) và **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ).


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau:
  - a. **General Settings** (Cài đặt chung)
  - b. **Energy Settings** (Cài đặt năng lượng)
  - c. **Sleep Settings** (Cài đặt nghỉ)
3. Chọn **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) để xác định số phút mà máy in không hoạt động trước khi máy in chuyển sang chế độ nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.

---

 **GHI CHÚ:** Thời gian mặc định cho chế độ nghỉ là 0 phút. Số không (0) cho biết rằng máy in sẽ chuyển sang chế độ nghỉ trong ít hơn 1 phút.

---
4. Chọn **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ) để đặt máy in vào chế độ tiết kiệm điện nhiều hơn sau một khoảng thời gian nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.

---

 **GHI CHÚ:** Theo mặc định, máy in sẽ hoạt động trở lại sau Tự động tắt do có một hoạt động bất kỳ ngoài USB hoặc Wi-Fi, nhưng bạn có thể thiết lập máy in chỉ hoạt động trở lại sau khi nút nguồn được nhấn.

---
5. Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

## HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin) để biết thêm thông tin.

## Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở để khắc phục mọi sự cố và thêm tính năng. Để tận dụng các bản cập nhật mới nhất, hãy tải xuống tệp trình điều khiển, tệp chương trình cơ sở mới nhất hoặc cả hai từ Web.

Truy cập [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175). Nhấp **Software and Drivers** (Phần mềm và trình điều khiển).



## 6 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Xác lập lại cài đặt gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Xử lý vấn đề về chất lượng in](#)

### Để biết thêm thông tin

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu.

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem [www.hp.com/videos/LaserJet](http://www.hp.com/videos/LaserJet).

Để biết thông tin hiện tại, hãy xem [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


# Hỗ trợ khách hàng

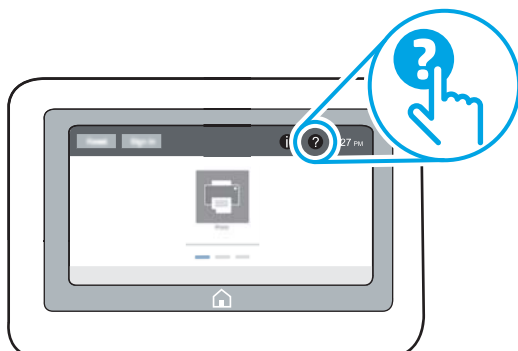
**Bảng 6-1** Các tùy chọn hỗ trợ khách hàng

Hình thức hỗ trợ	Thông tin liên hệ
Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại <a href="http://support.hp.com">support.hp.com</a> .
Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	<a href="http://www.hp.com/support/ljE60155">www.hp.com/support/ljE60155</a> , <a href="http://www.hp.com/support/ljE60165">www.hp.com/support/ljE60165</a> , hoặc <a href="http://www.hp.com/support/ljE60175">www.hp.com/support/ljE60175</a>
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	<a href="http://www.hp.com/go/carepack">www.hp.com/go/carepack</a>
Đăng ký máy in	<a href="http://www.register.hp.com">www.register.hp.com</a>




## Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, chọn nút Help (Trợ giúp)  trên bảng điều khiển.



Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chọn các mục trong menu.


Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ cho bạn biết các quy trình cụ thể, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Nếu máy in báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chọn nút Help  (Trợ giúp) để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

# Xác lập lại cài đặt gốc

## Giới thiệu

Dùng một trong các phương thức sau để khôi phục máy in về các cài đặt gốc từ nhà máy.

 **GHI CHÚ:** Việc khôi phục cài đặt gốc sẽ thiết lập hầu hết các cài đặt của máy in về mặc định gốc của chúng. Tuy nhiên, có một số cài đặt không được thay đổi, ví dụ như ngôn ngữ, ngày tháng, thời gian và một số cài đặt cấu hình mạng.

## Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).


2. Mở các menu sau:

- a. **General** (Tổng quan)
- b. **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc)



3. Chọn **Reset** (Xác lập lại).

Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu.


4. Chọn **Reset** (Xác lập lại) để hoàn thành quá trình.


 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

## Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)

1. Tìm địa chỉ IP của máy in: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, chọn biểu tượng **Information** (Thông tin)  và chọn biểu tượng **Network** (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.


 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

3. Mở tab **General** (Chung).

4. Ở bên trái màn hình, nhấp **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc).

5. Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

## Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

### **Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp)**

Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này và cửa vào hộp mực in vẫn bị khóa cho đến khi hộp mực ở trạng thái **Very Low** (Gần hết).

### **Cartridge is very low (Hộp mực in gần hết)**

Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Ngoài ra, cửa trước của máy in sẽ mở khóa để bạn có thể mở cửa và thay thế hộp mực. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP **Very Low** (Gần hết), Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

# Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

## Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.


- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)


## Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

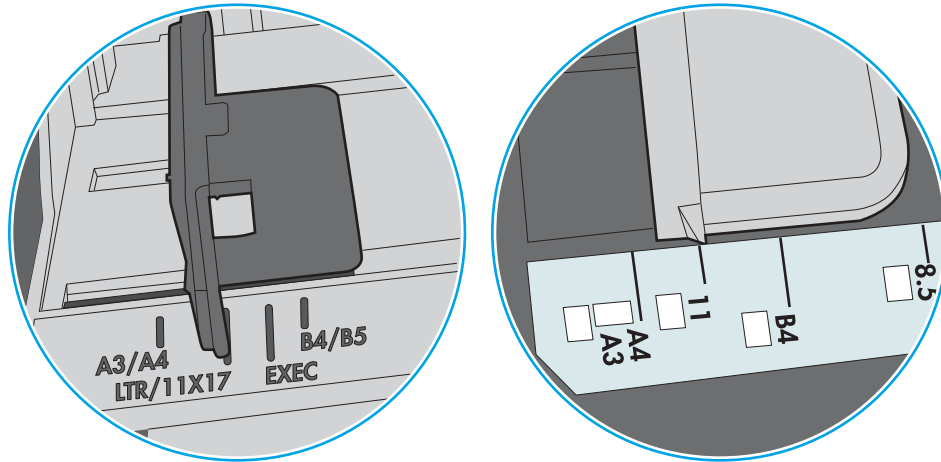
4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

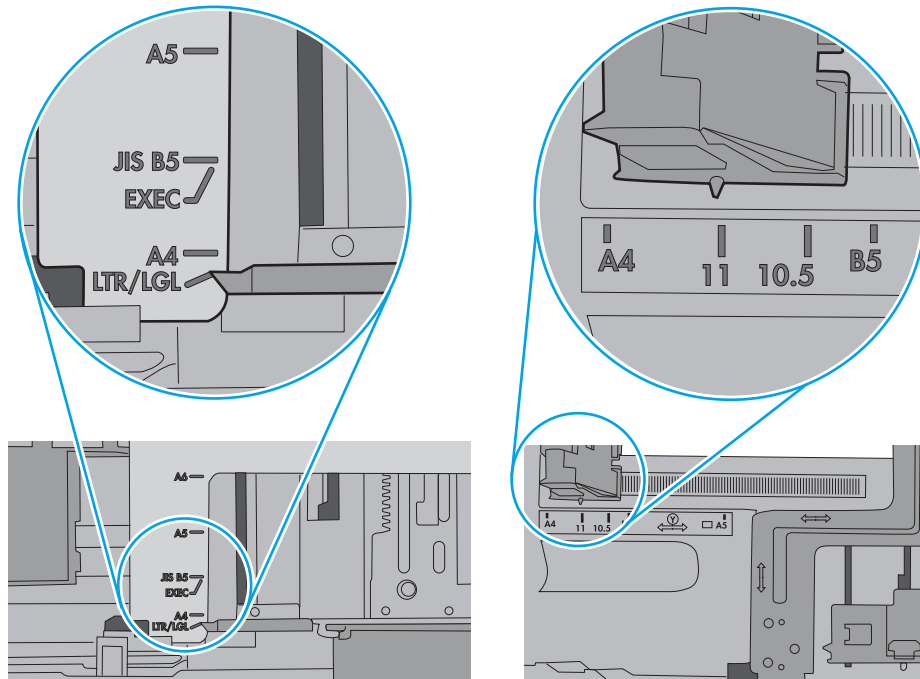
 **GHI CHÚ:** Nếu nhà cung cấp dịch vụ được quản lý đã lắp đặt các thanh khóa khay thì sẽ không thể điều chỉnh các thanh này. Hãy liên hệ với đại diện dịch vụ được quản lý để biết thêm thông tin về cách khóa hoặc mở khóa khay giấy.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

**Hình 6-1** Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



**Hình 6-2** Dấu kích thước cho khay băng từ

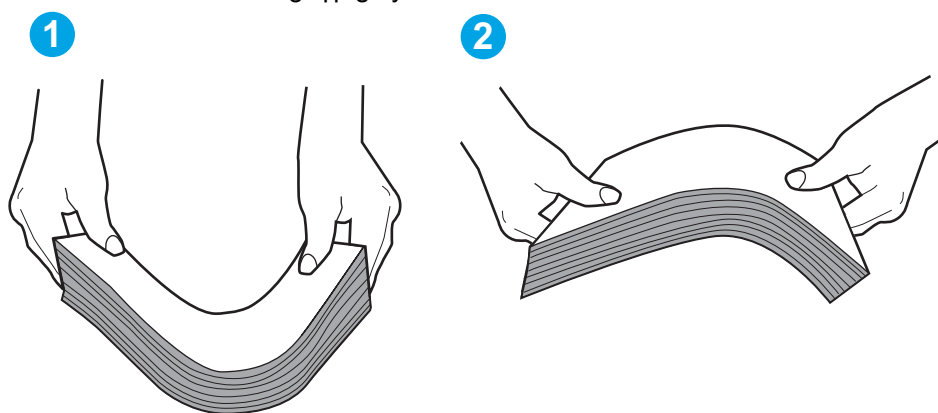


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

**Hình 6-3** Cách uốn cong tập giấy

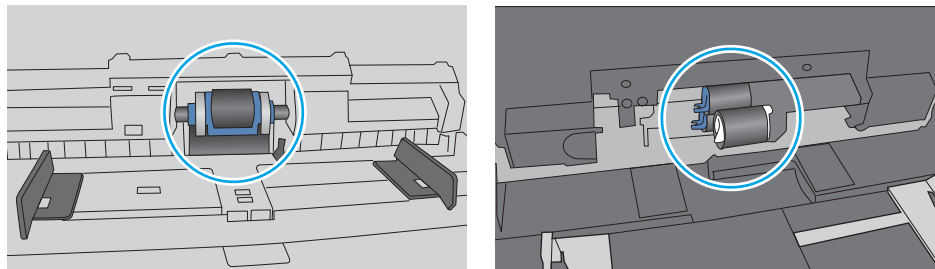


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.


**Hình 6-4** Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



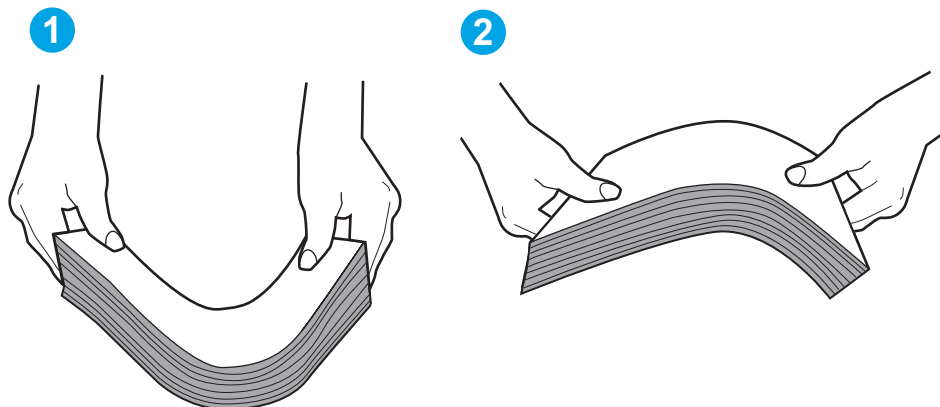
## Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra.* Đưa tập giấy vào lại khay.

 **GHI CHÚ:** Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

**Hình 6-5** Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

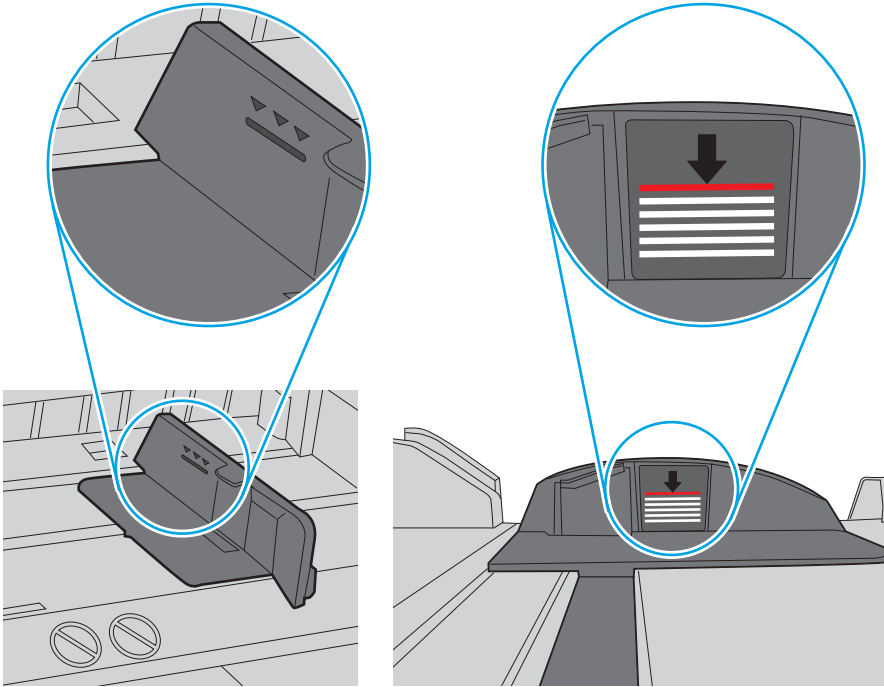
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

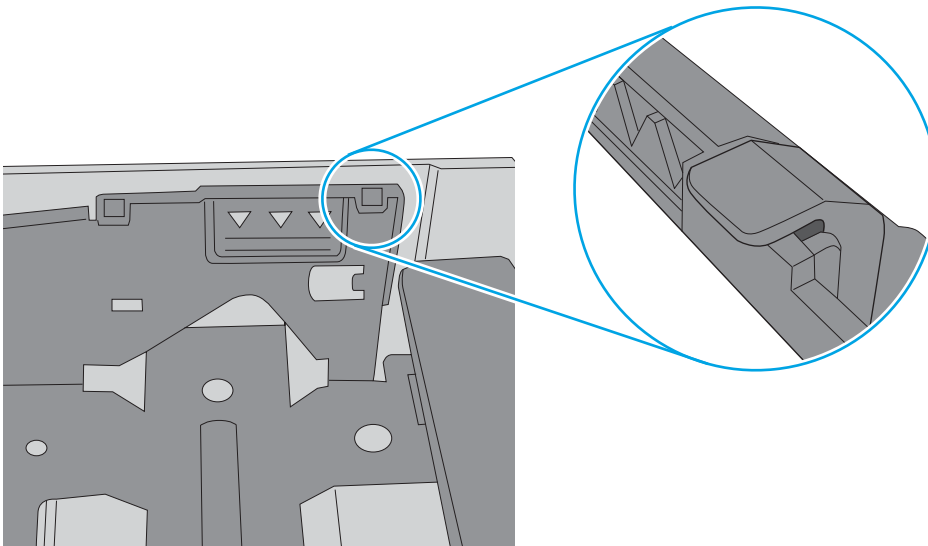
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.

**Hình 6-6** Dấu chiều cao tập giấy




**Hình 6-7** Vấu cho tập giấy



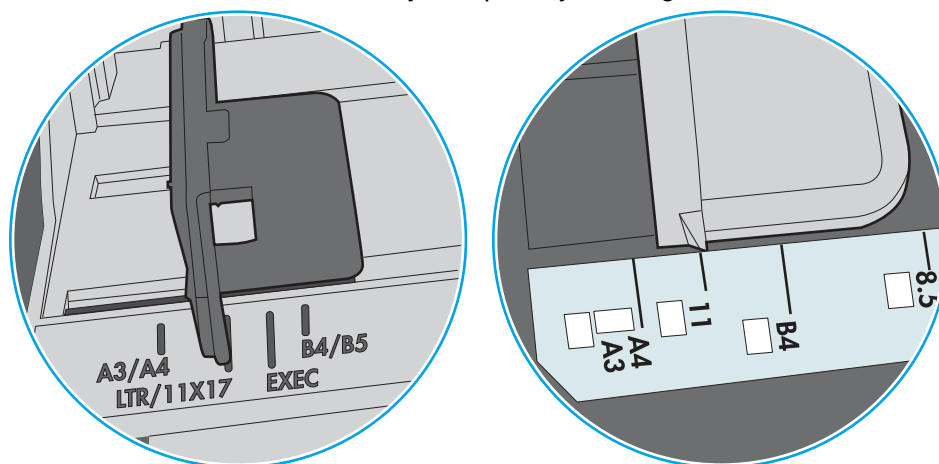


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

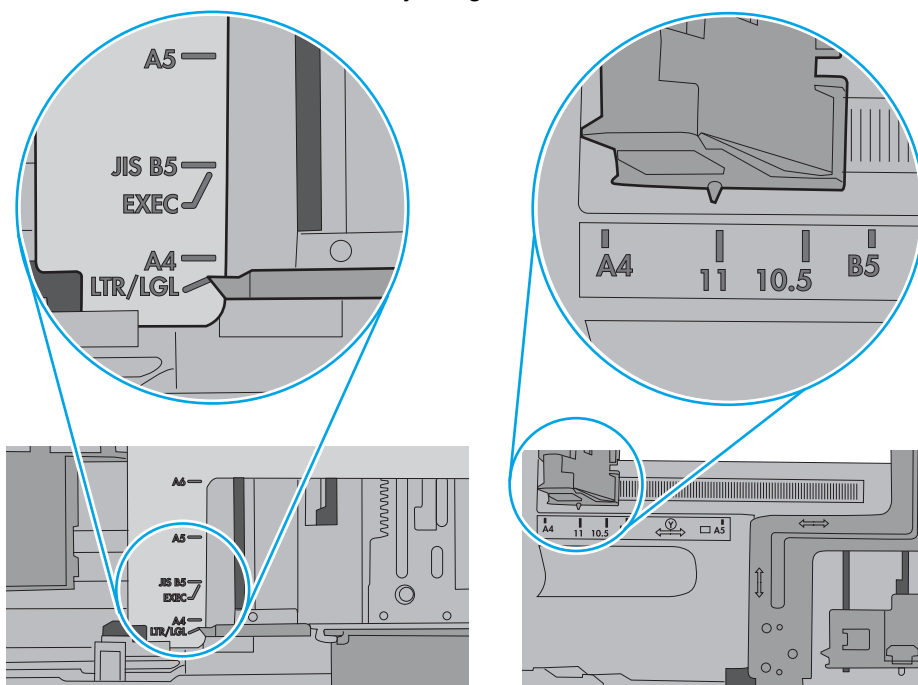
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

**Hình 6-8** Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



**Hình 6-9** Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

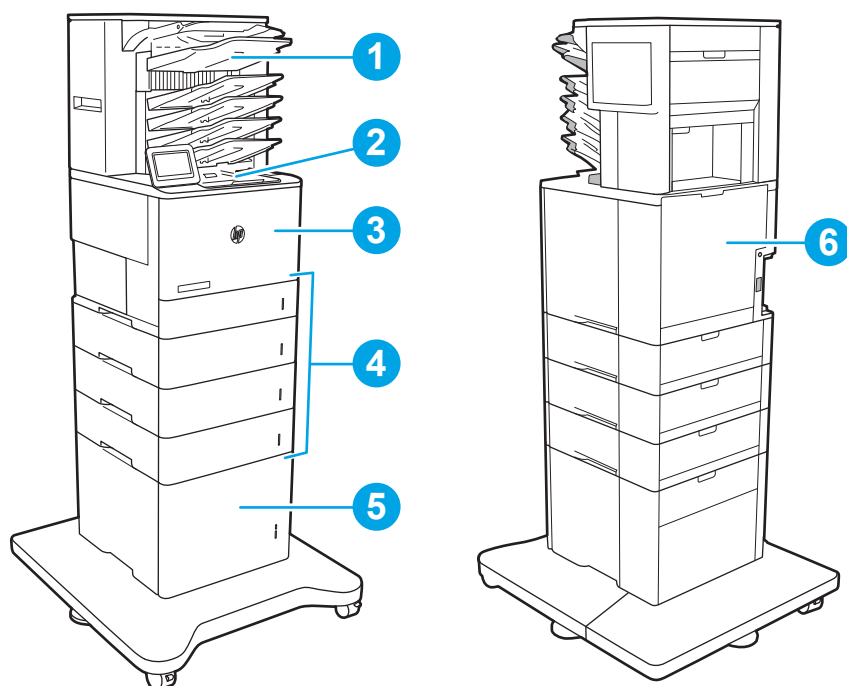
# Xử lý kẹt giấy

## Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

- [Vị trí giấy kẹt](#)
- [Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt](#)
- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay 1 \(13.A1\)](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay 2, 3, 4, 5 \(13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5\)](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ \(13A, 13F\)](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy \(13.B\)](#)
- [Gỡ giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra \(13.E1\)](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt \(13.C, 13.D, 13.B\)](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong khay nạp phong bì \(13.A\)](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim \(13.E, 13.7\)](#)
- [Gỡ bỏ ghim dập bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim \(13.8\)](#)

## Vị trí giấy kẹt



1	Hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim
2	Ngăn giấy đầu ra
3	Khay 1
4	Khay 2-5
5	Khay nạp HCl 2.100 tờ
6	Khay in hai mặt và cuộn sấy
	Khay nạp phong bì (không hiển thị)

## Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt


Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển. Khi hoàn tất một bước, máy in sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

## Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

- Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
- Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
- Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.

- Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
- Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
- Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào máy in.
- Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
- Mở menu **Trays** (Khay) trên bảng điều khiển của máy in. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
- Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

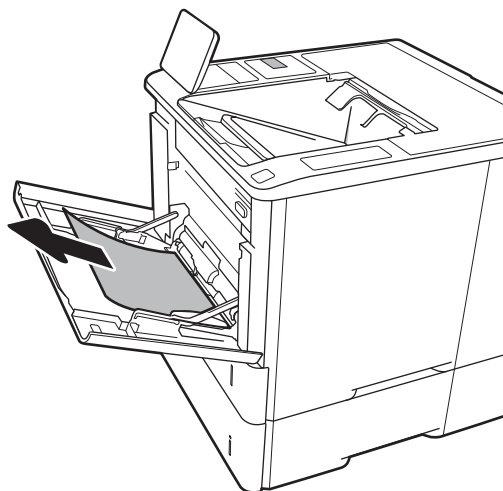
 **GHI CHÚ:** Việc kiểm tra giấy và nạp giấy vào khay theo đúng cách có thể giúp giảm kẹt giấy. Để được trợ giúp thêm, hãy [xem video minh họa cách nạp giấy](#).

## Gỡ giấy kẹt trong khay 1 (13.A1)

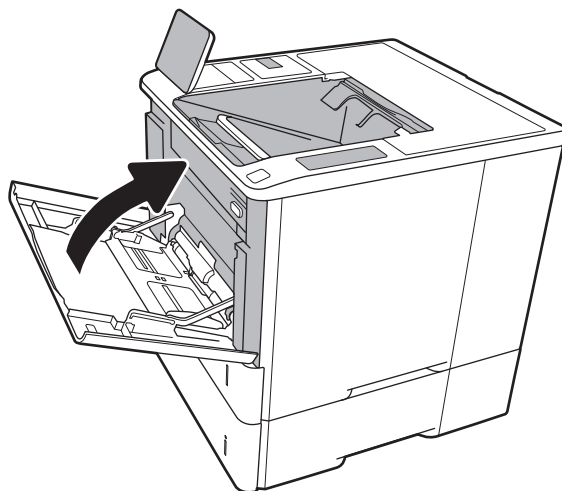
Thông tin sau đây mô tả cách xử lý giấy kẹt trong Khay 1. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- **13.A1.XX Jam in Tray 1 (13.A1.XX Kẹt giấy trong Khay 1)**

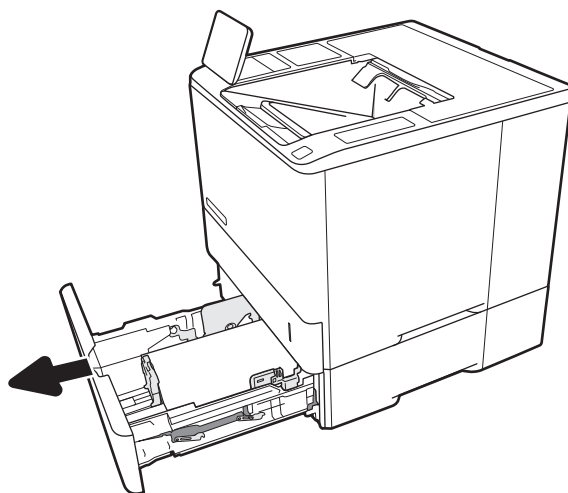
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra.



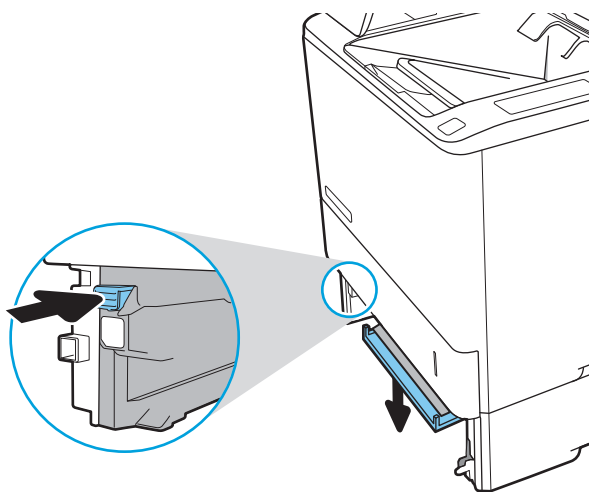
2. Đóng Khay 1.



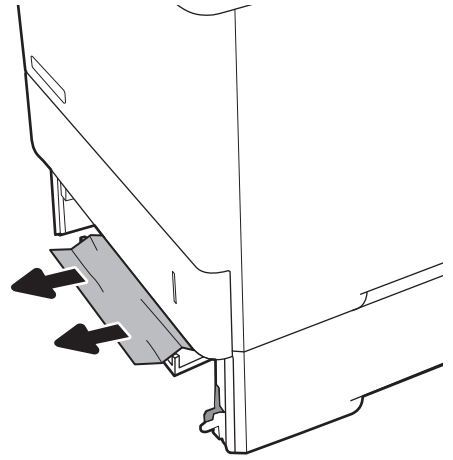
3. Kéo Khay 2 ra khỏi máy in.



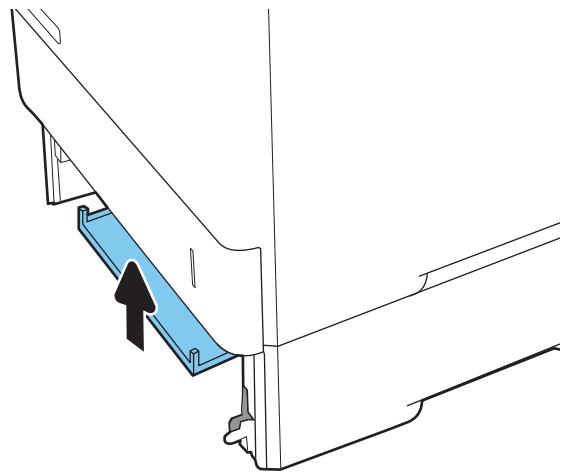
4. Hạ thấp tấm tháo giấy kẹt trong khe mở Khay 2.



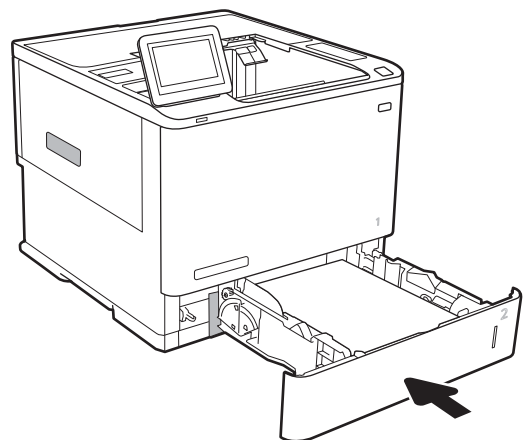
5. Kéo hết giấy bị kẹt thẳng ra ngoài.



6. Nâng tấm tháo giấy kẹt vào lại vị trí.




7. Lắp Khay 2 vào máy in.



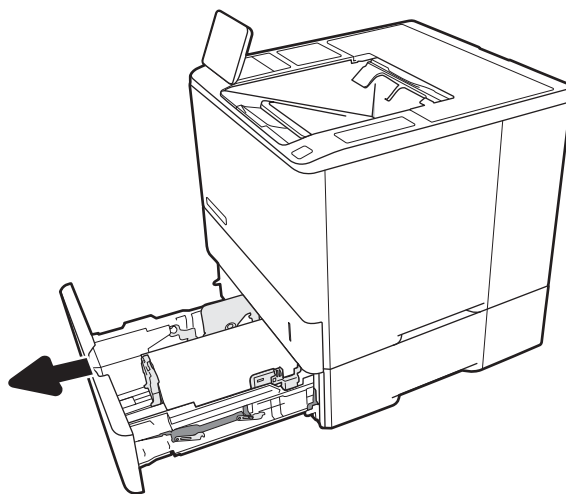
## Gỡ giấy kẹt trong khay 2, 3, 4, 5 (13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5)

Thông tin sau đây mô tả cách xử lý giấy kẹt trong Khay 2, 3, 4 hoặc 5. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một trong các thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

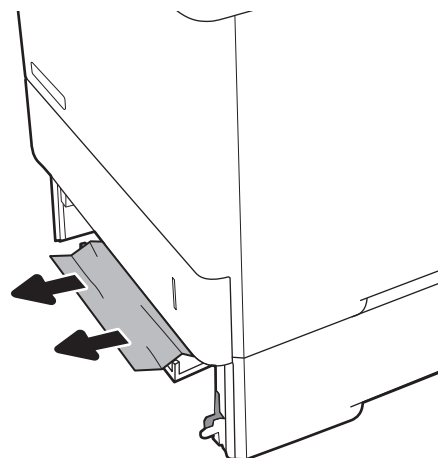
- 13.A2.XX Jam in Tray 2 (13.A2.XX Kẹt giấy trong Khay 2)
- 13.A3.XX Jam in Tray 3 (13.A3.XX Kẹt giấy trong Khay 3)
- 13.A4.XX Jam in Tray 4 (13.A4.XX Kẹt giấy trong Khay 4)
- 13.A5.XX Jam in Tray 5 (13.A5.XX Kẹt giấy trong Khay 5)

 **GHI CHÚ:** Quy trình sau đây hiển thị Khay 2. Phương pháp để xử lý kẹt giấy trong Khay 3, 4 và 5 tương tự.

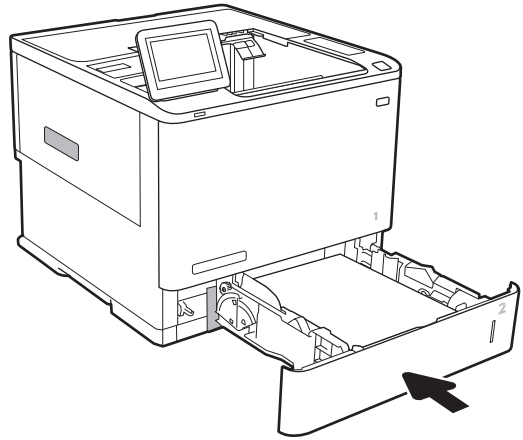
1. Kéo và nhấc khay lên nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy in.



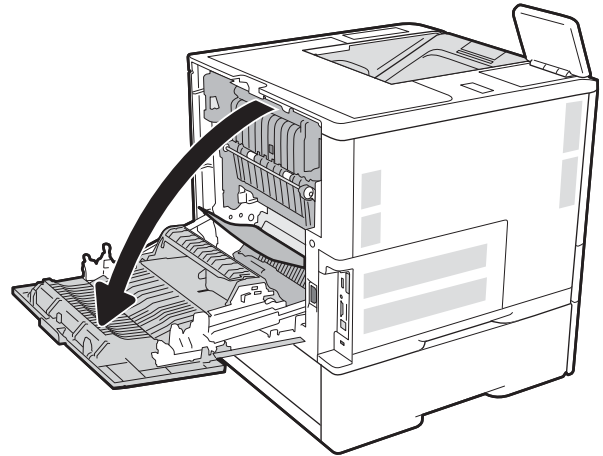
2. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng.



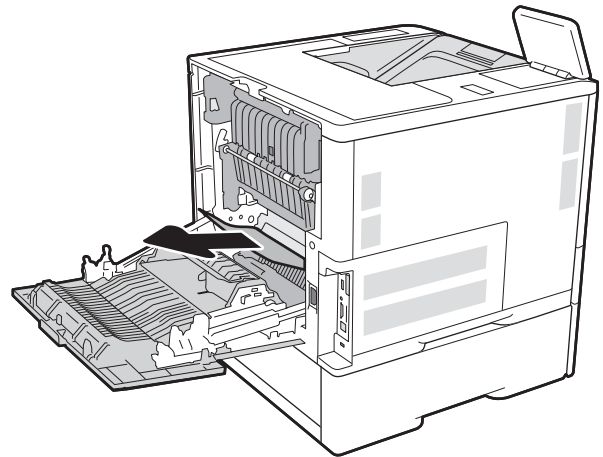
3. Lắp lại và đóng khay.



4. Mở cửa sau.



5. Lấy hết giấy bị kẹt ra.

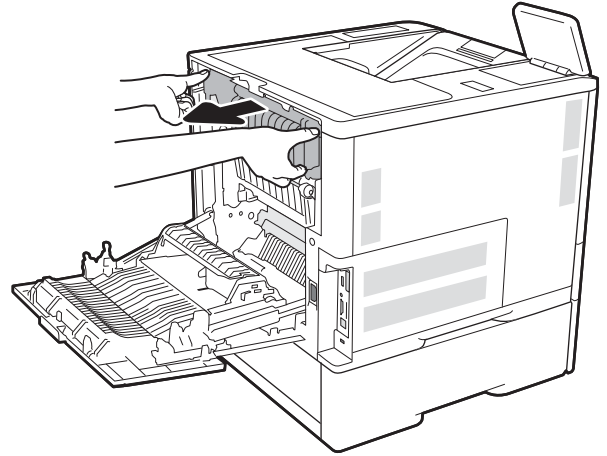




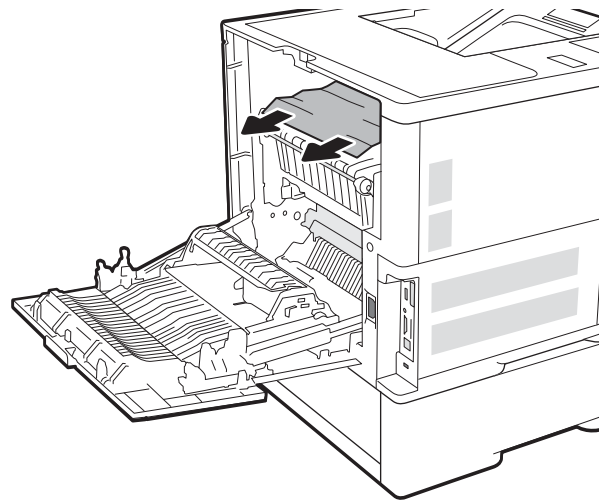
6. Tháo cuộn sấy bằng cách nắm vào các chốt hai mặt và kéo cuộn sấy thẳng ra khỏi máy in.



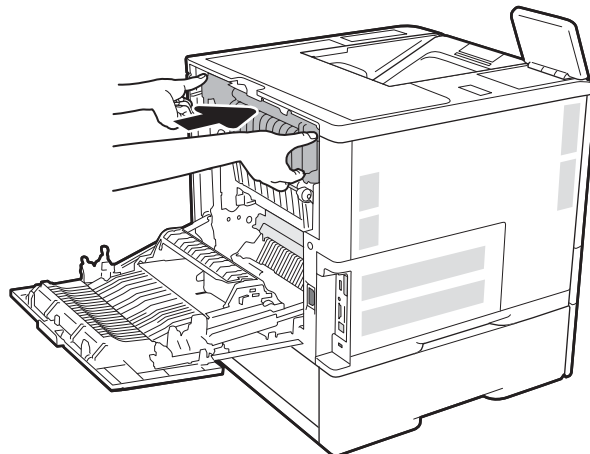
**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.



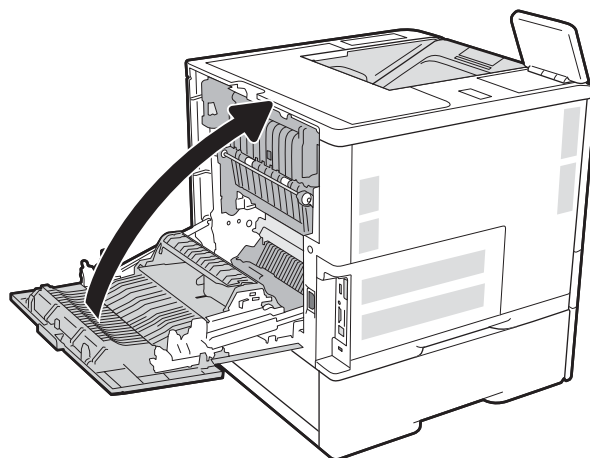
7. Lấy hết giấy bị kẹt ra khỏi lỗ mở cuộn sấy.



8. Lắp lại cuộn sấy.



9. Đóng cửa sau lại

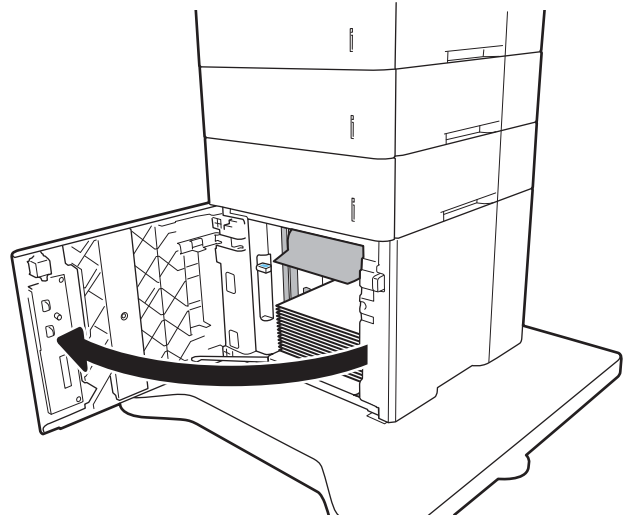


## Gỡ giấy kẹt trong khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ (13A, 13F)

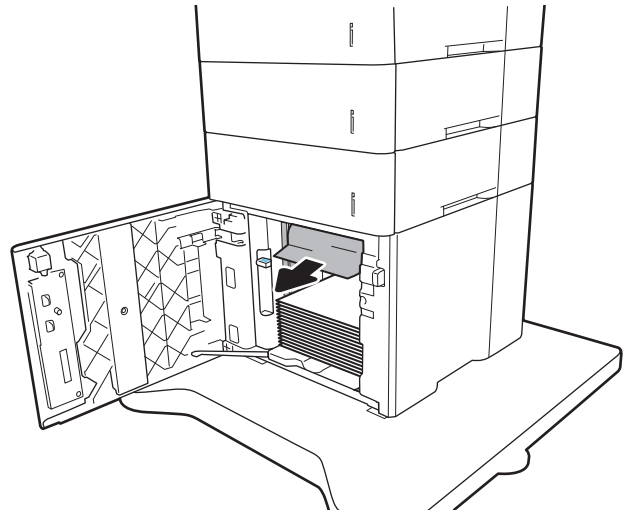
Thông tin sau đây mô tả cách xử lý kẹt giấy trong khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một trong các thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- **13.AY.XX Jam in Tray Y** (13.AY.XX Kẹt giấy trong khay Y), trong đó Y là số khay được gán cho HCI
- **13.FF.EE Door Open Jam** (13.FF.EE Mở cửa kẹt giấy)

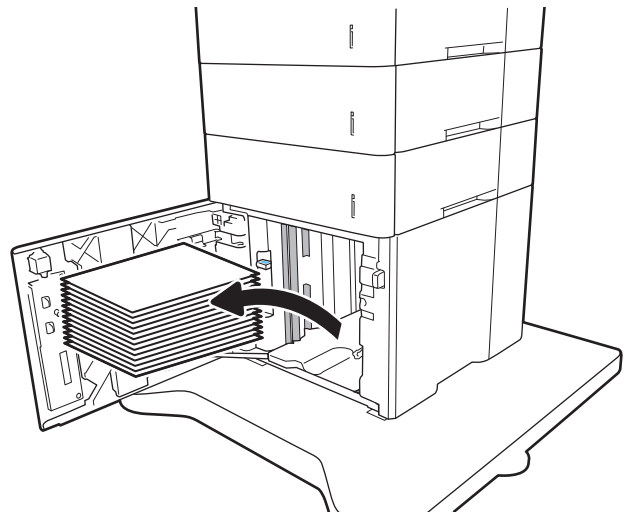
1. Mở khay tiếp giấy dung lượng lớn 2.100 tờ.



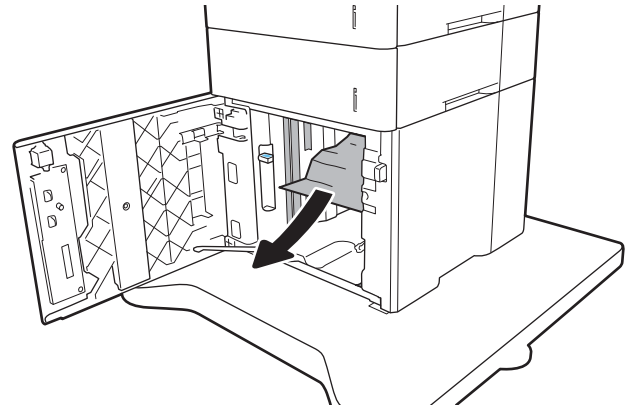
2. Tháo và vứt bỏ bất kỳ tờ giấy bị hỏng nào.



3. Lấy hết giấy khỏi khay.

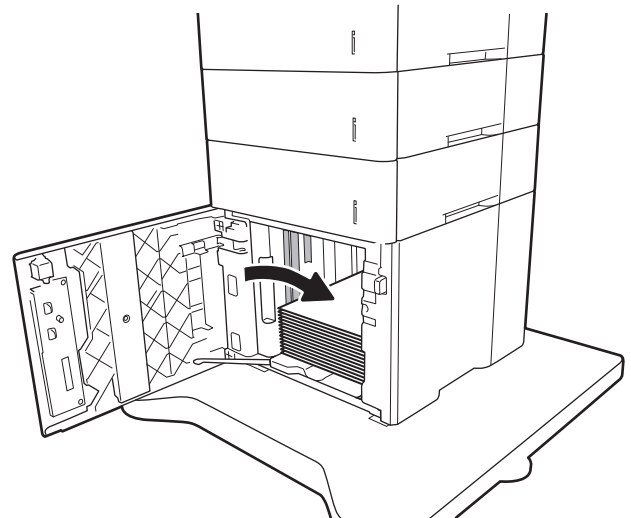


4. Nếu giấy bị kẹt bên trong khu vực nạp giấy, kéo giấy xuống để lấy ra.

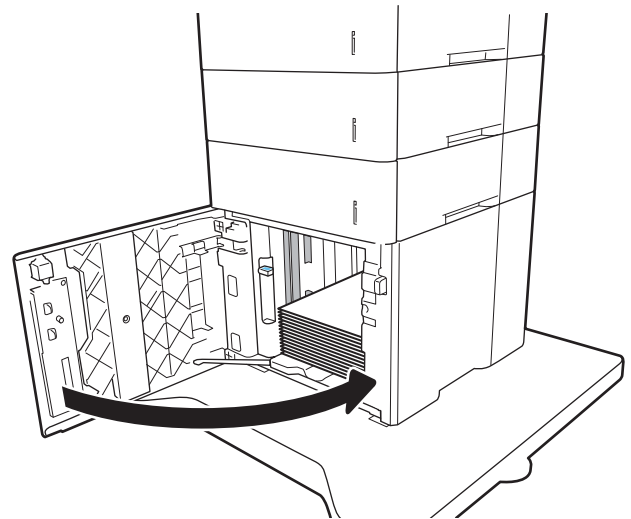


5. Nạp toàn bộ ram giấy vào HCI. Khay chứa được 2.100 tờ giấy.

**GHI CHÚ:** Để có kết quả tốt nhất, nạp toàn bộ ram giấy. Không chia các ram giấy thành nhiều phần nhỏ.



6. Đóng nắp HCI.



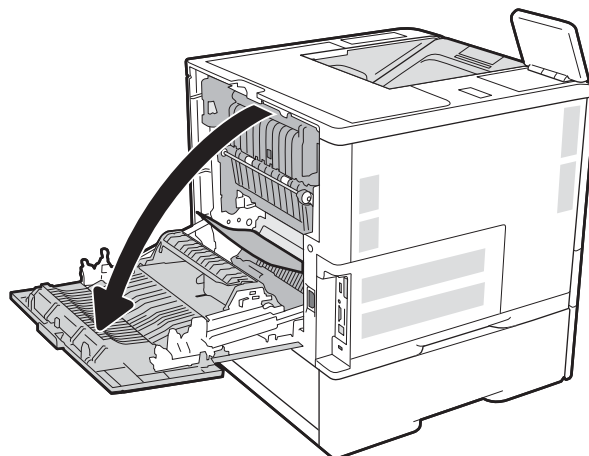
## Gỡ giấy bị kẹt ở cửa phía sau và khu vực cuộn sấy (13.B)

Sử dụng quy trình sau đây để gỡ bỏ giấy kẹt trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một trong các thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

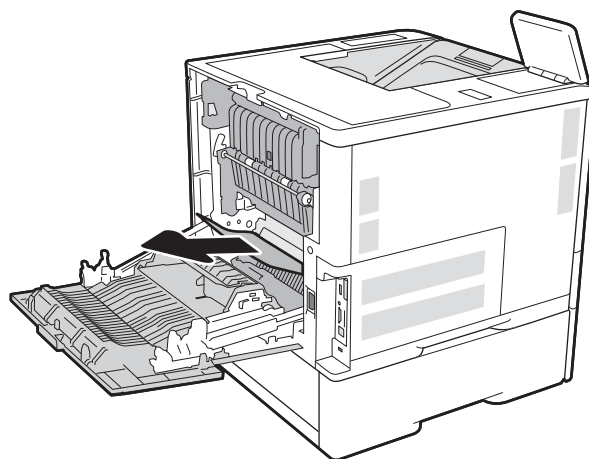
- 13.B2.XX Jam in <cover or door> (13.B2.XX Kẹt giấy trong <nắp hoặc cửa>)
- 13.B9.XX Jam in Fuser (13.B9.XX Kẹt giấy trong Cuộn sấy)

**⚠ THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý kẹt giấy.

1. Mở cửa sau.



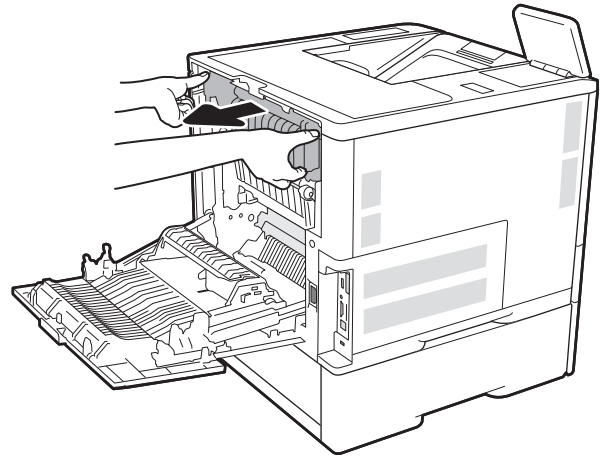
2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



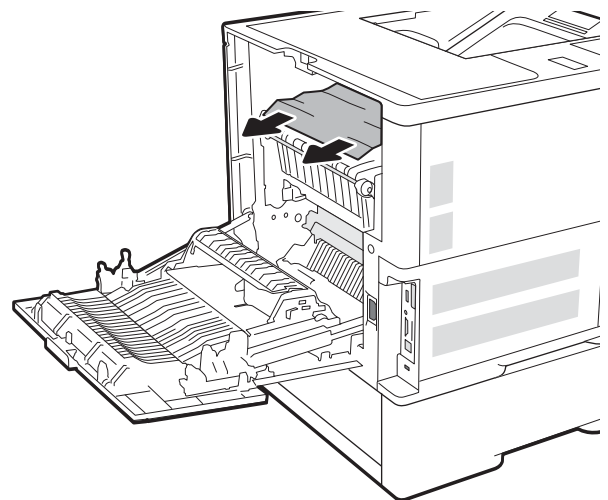
3. Tháo cuộn sấy bằng cách nắm vào các chốt hai mặt và kéo cuộn sấy thẳng ra khỏi máy in.



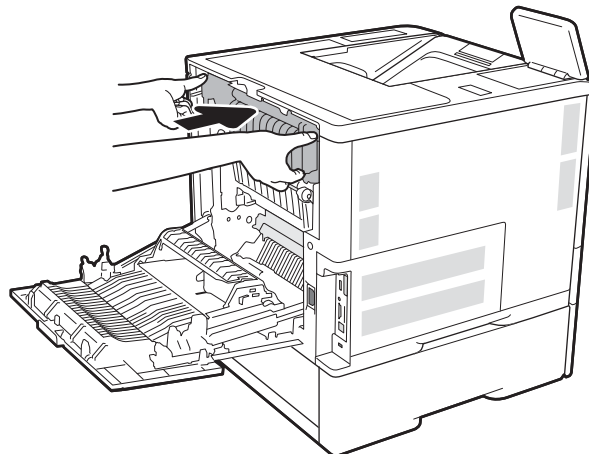
**CHÚ Ý:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.



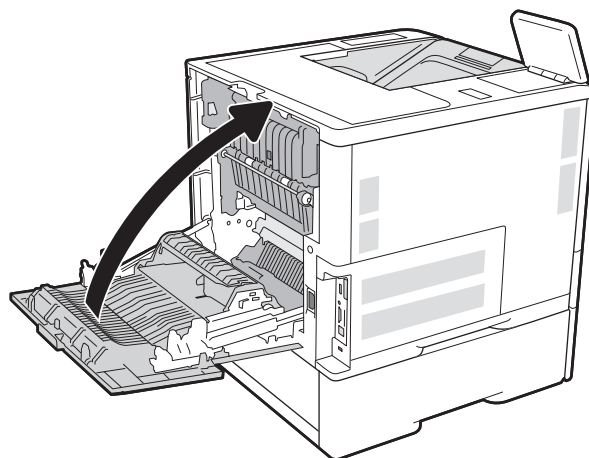
4. Lấy hết giấy bị kẹt ra khỏi lỗ mở cuộn sấy.



5. Lắp lại cuộn sấy.



6. Đóng cửa sau lại

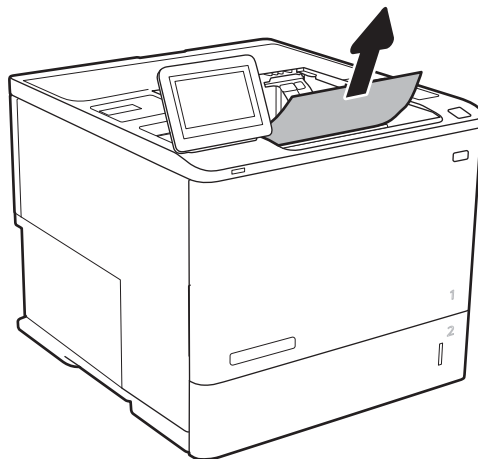


## Gỡ giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra (13.E1)

Thông tin sau đây mô tả cách xử lý giấy kẹt trong ngăn giấy đầu ra. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- **13.E1.XX Jam at Standard Output Bin (13.E1.XX Kẹt giấy ở Ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn)**

1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.

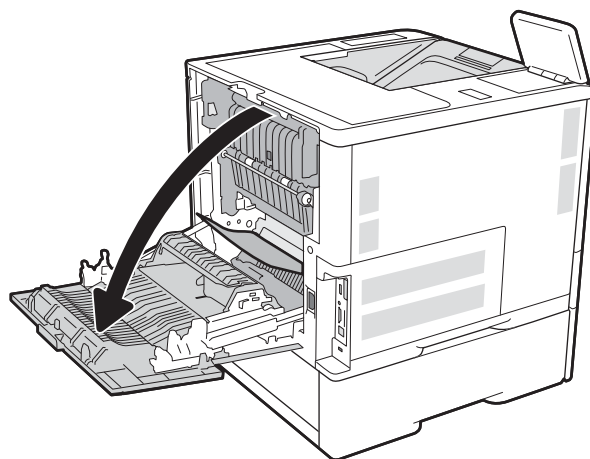


## Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt (13.C, 13.D, 13.B)

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở trong bộ in hai mặt tự động. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

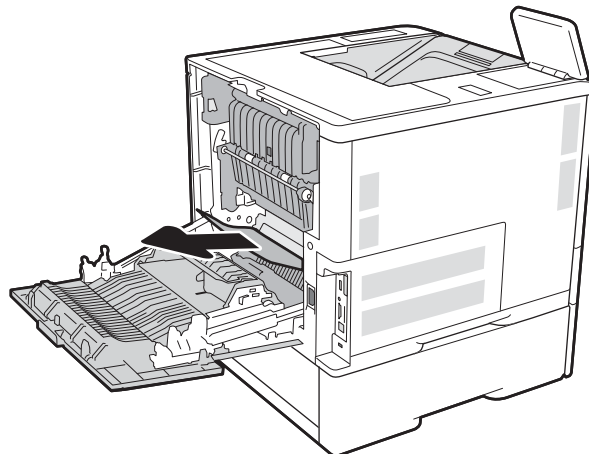
- 13.CX.XX Jam in Duplexer (13.CX.XX Kẹt giấy trong Bộ in hai mặt)
- 13.DX.XX Jam in Duplexer (13.DX.XX Kẹt giấy trong Bộ in hai mặt)
- 13.B2.XX Jam in <cover or door> (13.B2.XX Kẹt giấy trong <nắp hoặc cửa>)

1. Mở cửa sau.

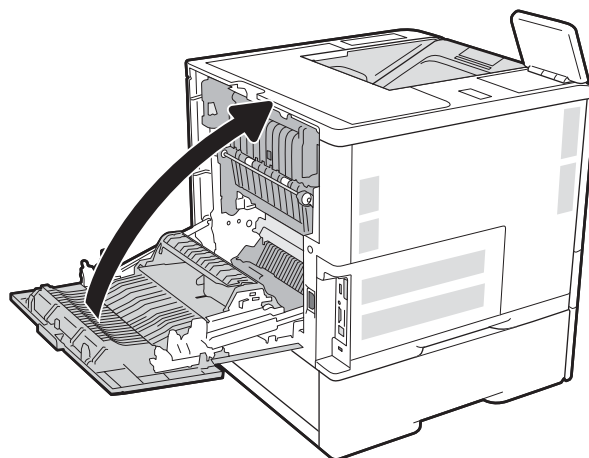




2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



3. Đóng cửa sau lại

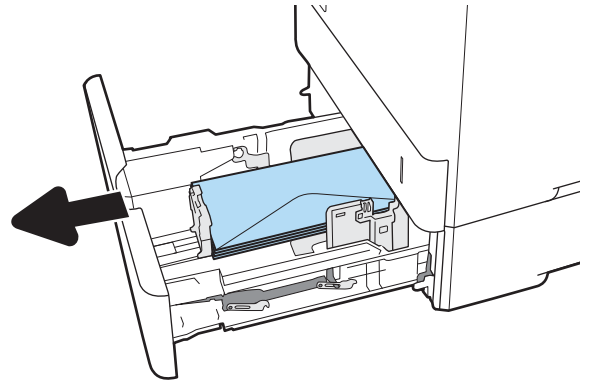


## Gỡ giấy bị kẹt trong khay nạp phong bì (13.A)

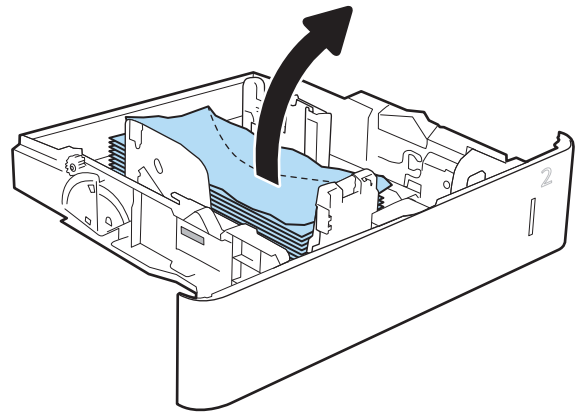
Sử dụng quy trình sau đây để gỡ bỏ kẹt giấy trong khay nạp phong bì. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một trong các thông báo sau và một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

- 13.A3.XX Jam in Tray 3 (13.A3.XX Kẹt giấy trong Khay 3)
- 13.A4.XX Jam in Tray 4 (13.A4.XX Kẹt giấy trong Khay 4)

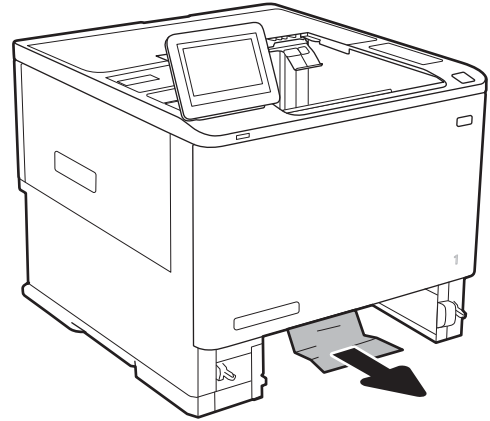
1. Kéo và nhấc khay lên nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy in.



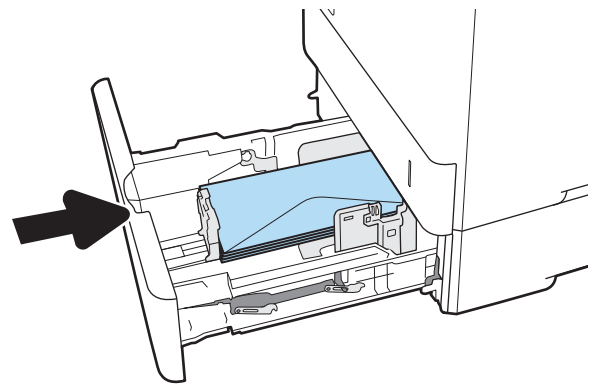
2. Lấy hết phong bì bị kẹt hoặc bị hư ra khỏi khay.



3. Gỡ toàn bộ phong bì ra khỏi các trục nạp bên trong máy in.



4. Lắp lại và đóng khay.

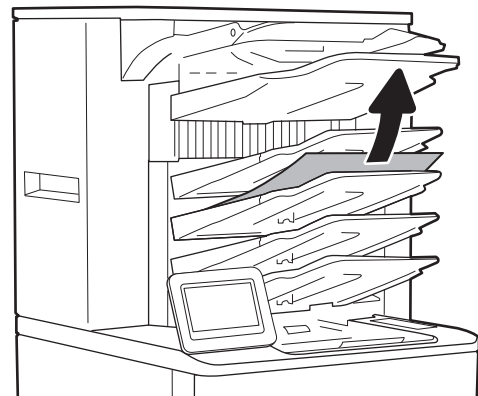


## Gỡ giấy bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim (13.E, 13.7)

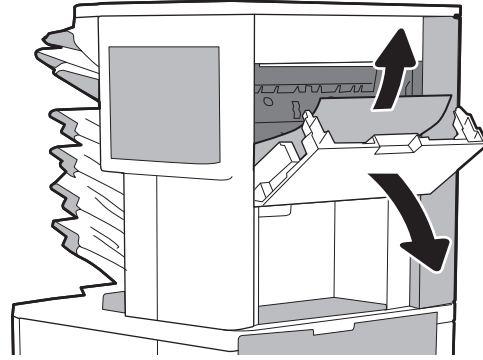
Thông tin sau đây mô tả cách xử lý giấy kẹt trong hộp dập ghim. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

- 13.E1.XX Jam at Standard Output Bin (13.E1.XX Kẹt giấy ở Ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn)
- 13.70.XX MBM Jam (13.70.XX Kẹt MBM)

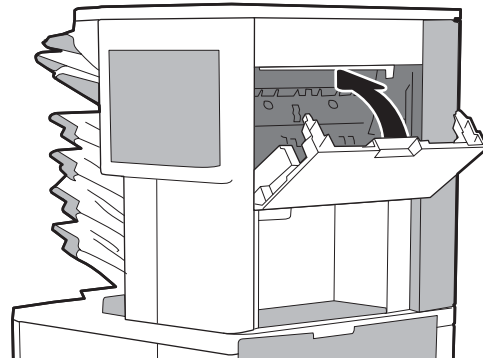
1. Lấy hết giấy bị kẹt ra khỏi ngăn giấy đầu ra.



2. Mở cửa tháo kẹt giấy ở mặt sau của hộp dập ghim. Nếu giấy bị kẹt bên trong cửa tháo kẹt giấy, kéo thẳng giấy bị kẹt ra để gỡ bỏ.



3. Đóng cửa tháo kẹt giấy.

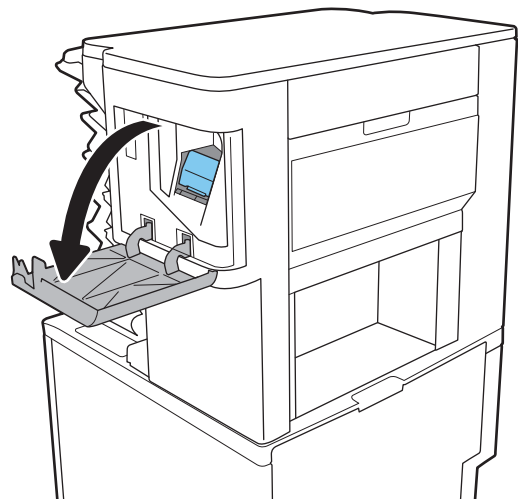


## Gỡ bỏ ghim dập bị kẹt trong hộp thư nhiều ngăn 5 ngăn có bộ dập ghim (13.8)

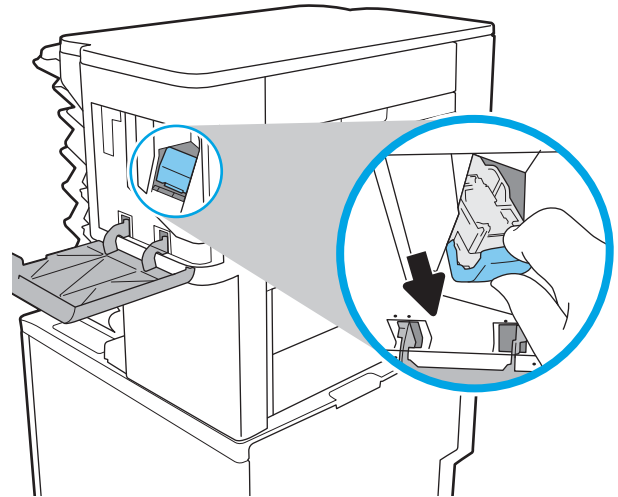
Thông tin sau đây mô tả cách xử lý ghim dập bị kẹt trong hộp dập ghim. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

- 13.8X.XX – Stapler/Stacker Jam (13.8X.XX – Kẹt trong Bộ dập ghim/Bộ xếp giấy)

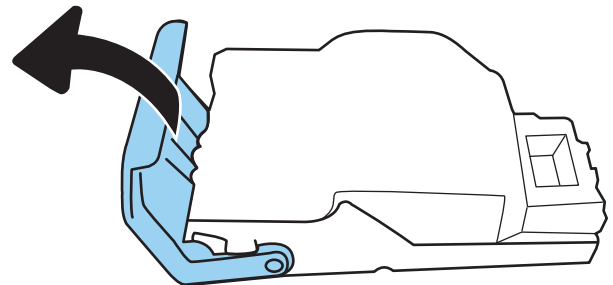
1. Mở cửa bộ dập sách.



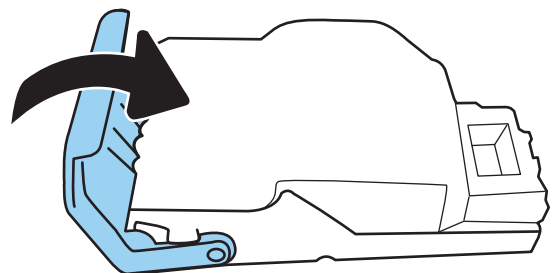
2. Kéo tay cầm được đánh màu trên hộp dập ghim và kéo hộp dập ghim thẳng ra ngoài.



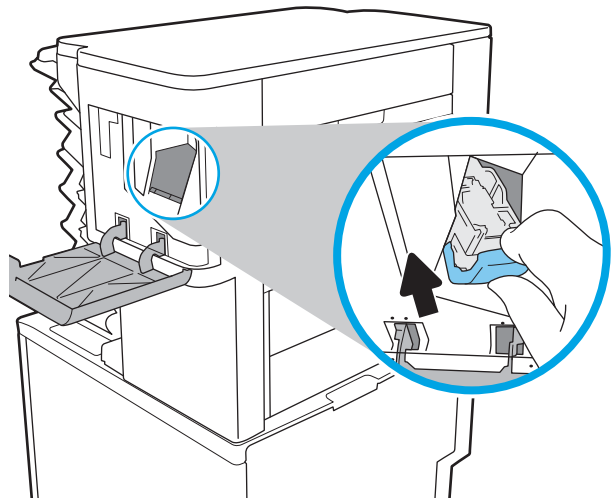
3. Nhấc cần nhỏ ở mặt sau hộp dập ghim lên.



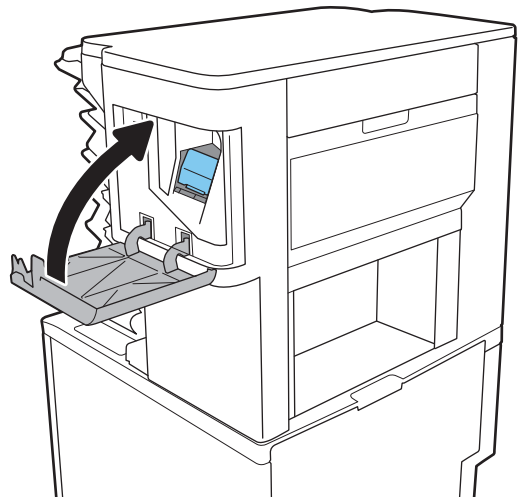
4. Gỡ bỏ ghim dập bị kẹt.
5. Đóng cần ở mặt sau hộp dập ghim. Đảm bảo rằng nó khớp vào đúng vị trí.



6. Lắp hộp dập ghim vào bộ dập ghim và ấn tay cầm được đánh màu cho đến khi nó khớp vào đúng vị trí.



7. Đóng cửa bộ dập sách.



# Xử lý vấn đề về chất lượng in

## Giới thiệu

Sử dụng thông tin dưới đây để xử lý sự cố về chất lượng in, kể cả các sự cố về chất lượng hình ảnh.

Các bước xử lý sự cố này có thể giúp khắc phục những lỗi sau đây:

- Trang trống
- Trang đen
- Giấy bị quăn
- Các dải đậm hoặc nhạt
- Đường sọc đậm hoặc nhạt
- In mờ
- Nền xám hoặc in đậm
- In nhạt
- Bột mực không bám dính
- Không có bột mực
- Lốm đốm bột mực
- Hình ảnh bị lệch
- Vết bẩn
- Đường sọc

## Xử lý sự cố về chất lượng in

Để giải quyết các sự cố về chất lượng in, hãy thử các bước sau đây theo thứ tự trình bày.

### Cập nhật chương trình cơ sở của máy in

Thử cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào [www.hp.com/support](http://www.hp.com/support) và chọn tùy chọn để **Get software and drivers** (Lấy phần mềm và trình điều khiển). Sau đó làm theo các nhắc nhở để điều hướng đến phần tải xuống chương trình cơ sở cho máy in.

### In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

### Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lốm đốm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy trên máy in

1. Mở khay ra.
2. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được nạp đúng loại giấy.
3. Đóng khay giấy.
4. Làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển để xác nhận hoặc sửa đổi các cài đặt loại giấy cho khay.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (macOS)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print (In)**.
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống của menu, rồi bấm vào menu **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media Type** (Loại phương tiện) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **Print (In)**.

## Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Thực hiện theo các bước sau đây để kiểm tra lượng mực ước tính còn lại trong hộp mực in và tình trạng của các bộ phận bảo trì có thể thay thế, nếu áp dụng.

### Bước một: In trang tình trạng mực in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Reports** (Báo cáo) và chọn biểu tượng **Reports** (Báo cáo).
2. Chọn menu **Configuration/Status Pages** (Trang Cấu hình/Trạng thái).
3. Chọn **Supplies Status Page** (Trang trạng thái nguồn cung cấp) và chọn **Print (In)** để in trang.



## Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

1. Nhìn vào báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, nếu áp dụng.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in cho biết khi nào mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang tình trạng mực in sẽ liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies).

## In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau để làm sạch đường dẫn giấy của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Support Tools](#) (Công cụ hỗ trợ) và chọn biểu tượng [Support Tools](#) (Công cụ hỗ trợ).

2. Chọn các menu sau:

- a. [Maintenance](#) (Bảo trì)
- b. [Calibration/Cleaning](#) (Cân chỉnh/Lau dọn)
- c. [Cleaning Page](#) (Trang Lau dọn)

3. Chọn [Print](#) (In) để in trang.

Thông báo **Cleaning...** (Lau dọn...) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Quá trình lau dọn kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Khi hoàn tất, hãy hủy bỏ trang đã in.

## Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường



**GHI CHÚ:** Nếu cửa vào khu vực hộp mực bị khóa, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ được quản lý của bạn để được hỗ trợ cách mở khóa cửa.

Thực hiện theo các bước sau đây để kiểm tra hộp mực in.

1. Tháo hộp mực in ra khỏi máy in và kiểm tra xem băng dán đã được gỡ ra chưa.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.



**THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

## Kiểm tra môi trường in và giấy

### Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quăn góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quăn hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

### Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

### Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Chọn các menu sau:

- a. [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
  - b. [Print Quality](#) (Chất lượng In)
  - c. [Image Registration](#) (Đăng ký Ảnh)
3. Chọn [Tray](#) (Khay) và chọn khay để điều chỉnh.
  4. Chọn [Print Test Page](#) (In Trang Kiểm tra), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
  5. Chọn [Print Test Page](#) (In Trang Kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
  6. Chọn [Done](#) (Xong) để lưu các cài đặt mới.

## Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: [www.hp.com/support/ljE60155](http://www.hp.com/support/ljE60155), [www.hp.com/support/ljE60165](http://www.hp.com/support/ljE60165), hoặc [www.hp.com/support/ljE60175](http://www.hp.com/support/ljE60175).

<b>Trình điều khiển HP PCL 6 V3</b>	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 7 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 3. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào <a href="http://www.hp.com/go/support">www.hp.com/go/support</a> .
<b>Trình điều khiển HP PCL-6 V4</b>	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 8 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 4. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào <a href="http://www.hp.com/go/support">www.hp.com/go/support</a> .
<b>Trình điều khiển HP UPD PS</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác</li> <li>• Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhập nháy postscript</li> </ul>
<b>HP UPD PCL 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows</li> <li>• Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng</li> <li>• Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows</li> <li>• Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5</li> </ul>



# Bảng chú dẫn

## A

AirPrint 57

## B

bảng điều khiển  
định vị 4

bảng điều khiển  
tính năng định vị 6

bảng điều khiển  
trợ giúp 81

bàn phím  
định vị 4

bảo mật  
ổ cứng được mã hóa 73

bộ định dạng  
định vị 4

bộ dập ghim  
cài đặt vị trí dập ghim mặc  
định 32

bộ in hai mặt  
gỡ giấy kẹt 104

bộ nhớ  
đi kèm 9

Bảo mật IP 72

Bonjour  
chỉ định 63

## C

cài đặt trình điều khiển trên máy  
Mac  
Lưu trữ Lệnh in 52

cài đặt in  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
65

cài đặt nguồn cung cấp  
Máy chủ web nhúng của HP  
65

cài đặt bảo mật  
Máy chủ web nhúng của HP  
66

cài đặt mạng  
Máy chủ web nhúng của HP  
67

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay  
đổi 71

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,  
thay đổi 71

cài đặt  
khôi phục cài đặt gốc 82

cấu hình chung  
Máy chủ web nhúng của HP  
64

công tắc nguồn  
định vị 4

cổng  
định vị 5

cổng giao tiếp  
định vị 5

cổng nối, cài đặt mặc định 70

cổng nối mặc định, cài đặt 70

cuộn giấy  
gỡ giấy kẹt 100

cửa bên phải  
định vị 4

cửa bên phải phía dưới  
định vị 4

cửa sau  
xử lý kẹt giấy 100

Chăm sóc Khách hàng HP 80

Cổng in USB 2.0 Tốc độ Cao  
định vị 5

Cổng LAN  
định vị 5

Cổng RJ-45  
định vị 5

Cổng USB  
định vị 5  
bật 58, 60

## CH

chất lượng hình ảnh  
kiểm tra tình trạng hộp mực  
in 112

chế độ in sẵn đầu đề khác 21, 26  
chế độ nghỉ 74

## D

danh sách các liên kết khác  
Máy chủ web nhúng của HP  
68

dập ghim  
cài đặt vị trí mặc định 32  
cấu hình chế độ hoạt động 33

dụng cụ xử lý sự cố  
Máy chủ web nhúng của HP 65

dùng nguồn điện  
1 watt hoặc ít hơn 74

Dịch vụ web HP  
bật 66

## Đ

độ phân giải  
sao chép và quét 9

điện  
tiêu thụ 13

đặt hàng  
mực in và phụ kiện 36

Địa chỉ IPv4 70

Địa chỉ IPv6 70

## E

Ethernet (RJ-45)  
định vị 5

Explorer, phiên bản được hỗ trợ  
Máy chủ web nhúng của HP  
62

## G

giải pháp in di động 9  
giấy  
  chọn 114  
  kẹt giấy 91  
   nạp vào khay tiếp giấy dung  
   lượng lớn 2.100 tờ 27  
   nạp Khay 1 17  
   nạp Khay 2 22  
giấy, đặt hàng 36  
giấy đặc biệt  
  in (Windows) 46  
giấy bóng kính  
  in (Windows) 46  
giấy kẹt  
  tự động điều hướng 91

## H

hai mặt  
  thủ công (Mac) 48  
hai mặt thủ công  
  Windows 45  
hai mặt thủ công  
  Mac 48  
hệ điều hành (OS)  
  được hỗ trợ 9  
hệ điều hành, được hỗ trợ 10  
hộp  
  thay thế ghim dập 41  
hộp ghim dập  
  thay thế 41  
hộp mực  
  số đặt hàng 37  
  sử dụng khi ở ngưỡng còn ít  
  83  
  thay thế 37  
hộp mực in  
  cài đặt ngưỡng còn ít 83  
  số đặt hàng 37  
  thay thế 37  
hỗ trợ  
  trực tuyến 80  
hỗ trợ khách hàng  
  trực tuyến 80  
hỗ trợ kỹ thuật  
  trực tuyến 80

hỗ trợ trực tuyến 80  
hướng giấy  
  Khay 1 18  
Hộp dập ghim HP  
  xử lý kẹt giấy 107  
HIP (ổ tích hợp phần cứng)  
  định vị 4  
HP ePrint 56  
HP Web Jetadmin 76

## I

in  
  lệnh in đã lưu 53  
  tử phụ kiện lưu trữ USB 58  
in di động  
  thiết bị Android 57  
in hai mặt  
  cài đặt (Windows) 45  
  Mac 48  
  Windows 45  
in hai mặt  
  thủ công (Windows) 45  
in hai mặt (hai mặt)  
  cài đặt (Windows) 45  
in riêng 51  
in trên cả hai mặt  
  cài đặt (Windows) 45  
  Mac 48  
in trên cả hai mặt  
  thủ công, Windows 45  
  Windows 45  
in trên hai mặt  
  Mac 48  
Internet Explorer, phiên bản được  
  hỗ trợ  
  Máy chủ web nhúng của HP  
  62  
In easy-access USB 58  
In giao tiếp cận trường 55  
In NFC 55  
In Wireless Direct 55  
IPsec 72

## J

Jetadmin, HP Web 76

## K

kẹt  
  ghim giấy trong phụ kiện hộp  
  dập ghim 108

khay tiếp giấy dung lượng lớn  
  2.100 tờ (Khay 6) 98  
ngăn giấy ra 103  
Hộp dập ghim HP 107  
Khay 2, 3 và 4 95  
kẹt, giấy  
  vị trí 91  
kẹt ghim giấy  
  phụ kiện hộp dập ghim 108  
kẹt giấy  
  cuộn sấy 100  
  cửa sau 100  
  khay nạp phong bì 105  
  ngăn giấy đầu ra 103  
  nguyên nhân 91  
  vị trí 91  
  Hộp dập ghim HP 107  
  Khay 1 92  
  Khay 2, 3 và 4 95  
  Khay 5 98  
kết nối nguồn  
  định vị 4  
kích thước, máy in 12  
Kẹt giấy  
  bộ in hai mặt 104  
Khay 1  
  hướng giấy 18  
  kẹt giấy 92  
  nạp phong bì 29  
Khay 2  
  kẹt giấy 95  
  nạp 22  
Khay 3  
  kẹt giấy 95  
Khay 4  
  kẹt giấy 95  
Khay 6  
  kẹt giấy 98  
Khay tiếp giấy chính  
  nạp nhãn 31  
Khay tiếp giấy ưu tiên  
  nạp nhãn 31

## KH

khay  
  định vị 4  
  đi kèm 9  
  khả năng chứa giấy 9  
khay nạp phong bì  
  gỡ giấy kẹt 105

khay nạp tài liệu  
  định vị 4  
  khả năng chứa giấy 9  
khay tiếp giấy dung lượng lớn  
  2.100 tờ  
  nạp 27  
khe khóa an toàn  
  định vị 5  
khóa  
  bộ định dạng 73  
khôi phục cài đặt gốc 82

## L

làm sạch  
  đường dẫn giấy 113  
lệnh in, đã lưu  
  tạo (Windows) 51  
  in 53  
  xóa 53  
lệnh in, đã lưu  
  cài đặt trên máy Mac 52  
lệnh in đã lưu  
  tạo (Windows) 51  
lệnh in đã lưu  
  tạo (Mac) 52  
  in 53  
  xóa 53  
loại giấy  
  chọn (Mac) 49  
  chọn (Windows) 46  
lưu lệnh in  
  bằng Windows 51  
lưu trữ, lệnh in  
  cài đặt trên máy Mac 52  
lưu trữ lệnh in 51

## M

mạng  
  được hỗ trợ 9  
  địa chỉ IPv4 70  
  địa chỉ IPv6 70  
  cài đặt, xem 69  
  cài đặt, thay đổi 69  
  cổng nối mặc định 70  
  mặt nạ mạng phụ 70  
  tên máy in, thay đổi 69  
  HP Web Jetadmin 76  
mạng khu vực cục bộ (LAN)  
  định vị 5

màn hình cảm ứng  
  định vị tính năng 6  
mặt nạ mạng phụ 70  
mực in  
  đặt hàng 36  
  cài đặt ngưỡng còn ít 83  
  sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 83

Máy chỉ web nhúng của HP  
  cấu hình chung 64  
Máy chủ web nhúng (EWS)  
  tính năng 62  
Máy chủ web nhúng (EWS)  
  gán mật khẩu 72  
  kết nối mạng 63  
Máy chủ web nhúng (EWS) của HP  
  tính năng 62  
Máy chủ web nhúng (EWS) của HP  
  kết nối mạng 63  
Máy chủ web nhúng của HP  
  cài đặt bảo mật 66  
  cài đặt mạng 67  
  danh sách các liên kết khác 68  
  dụng cụ xử lý sự cố 65  
  trang thông tin 63  
Máy chủ web nhúng của HP  
  cài đặt nguồn cung cấp 65  
Máy chủ web nhúng của HP  
  Dịch vụ web HP 66  
Máy chủ Web nhúng  
  mở 69  
  thay đổi tên máy in 69  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
  cài đặt in 65  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
  thay đổi cài đặt mạng 69  
  thay đổi tên máy in 69  
Máy chủ Web Nhúng của HP  
  mở 69  
  thay đổi cài đặt mạng 69

## N

nạp  
  giấy trong khay tiếp giấy dung  
  lượng lớn 2.100 tờ 27  
  giấy vào Khay 1 17  
  giấy vào Khay 2 22

nút bật/tắt  
  định vị 4  
Nút Bắt đầu sao chép  
  định vị 6  
Nút Đăng nhập  
  định vị 6  
Nút Đăng xuất  
  định vị 6  
Nút Màn hình chính  
  định vị 6  
Nút Trợ giúp  
  định vị 6

## NG

ngăn giấy, đầu ra  
  định vị 4  
ngăn giấy đầu ra  
  định vị 4  
  xử lý giấy kẹt 103  
nguồn cung cấp  
  thay hộp mực in 37  
nguồn cung cấp  
  thay thế hộp ghim dập 41

## NH

nhãn  
  hướng 31  
  in (Windows) 46  
  in trên 31  
nhãn, nạp 31  
nhiều trang trên một tờ  
  chọn (Mac) 49  
  chọn (Windows) 46  
  in (Mac) 49  
  in (Windows) 46

## O

OS (hệ điều hành)  
  được hỗ trợ 9

## Ô

ổ cứng  
  được mã hóa 73  
ổ tích hợp phần cứng (HIP)  
  định vị 4

## PH

phong bì  
  hướng 18  
phong bì, nạp 29

phương tiện in  
   nạp vào Khay 1 17  
phụ kiện  
   đặt hàng 36  
phụ kiện bộ dập ghim/bộ xếp giấy  
   cấu hình chế độ hoạt động 33  
phụ kiện hộp dập ghim  
   gỡ giấy bị dập ghim 108  
phụ kiện lưu trữ USB  
   in từ 58

## Q

quản lý mạng 69  
quét  
   độ phân giải 9

## S

sao chép  
   độ phân giải 9  
sự cố nạp giấy  
   giải quyết 84, 86  
sử dụng năng lượng, tối ưu hóa  
   74

## T

tốc độ, tối ưu hóa 74  
Trang web  
   HP Web Jetadmin, tải xuống  
   76  
TCP/IP  
   định cấu hình thông số IPv4  
   theo cách thủ công 70  
   định cấu hình thông số IPv6  
   theo cách thủ công 70

## TH

thay thế  
   hộp ghim dập 41  
thay thế hộp mực in 37  
thiết bị Android  
   in từ 57  
thông số kỹ thuật  
   điện và tiếng ồn 13  
thông số kỹ thuật về điện 13  
thông số kỹ thuật về âm thanh 13

## TR

trang mỗi phút 9  
trang thông tin  
   Máy chủ web nhúng của HP  
   63

trang web  
   hỗ trợ khách hàng 80  
trình điều khiển in, được hỗ trợ  
   10  
trình điều khiển, được hỗ trợ 10  
trọng lượng, máy in 12  
trợ giúp, bảng điều khiển 81  
trợ giúp trực tuyến, bảng điều  
   khiển 81

## X

xếp giấy  
   cấu hình chế độ hoạt động 33  
xóa  
   lệnh in đã lưu 53  
xử lý sự cố  
   kẹt giấy 91  
   kiểm tra tình trạng hộp mực  
   in 112  
   sự cố nạp giấy 84

## Y

yêu cầu hệ thống  
   tối thiểu 11  
   Máy chủ web nhúng của HP  
   62  
yêu cầu trình duyệt  
   Máy chủ web nhúng của HP  
   62  
yêu cầu trình duyệt web  
   Máy chủ web nhúng của HP  
   62